

**CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢNG NGÃI (RUDEP) –
GIAI ĐOẠN 2**

**Quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp
(FLUPLA) tại Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam**



VIETNAM-AUSTRALIA

Tài liệu soạn thảo cho:

AusAID

Đại sứ quán Ô-x-trây-li-a
8 Đào Tấn
Quận Ba Đình,
Hà Nội, VIỆT NAM

15 November 2004

VIE1506

Người soạn thảo

Drake Hocking và Phạm Nguyên Khôi

URS Sustainable Development
in association with Kellogg Brown & Root and
World Wide Project Management Services
Project Managers and Consultants
Adelaide Australia

CƠ QUAN TÀI TRỢ

AusAID

Đại sứ quán Ôxtrâylia

8 Đào Tân, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Ph: +84 4 8317754/Ext 175 (Project Officer), Fax: +84 4 8317711

CƠ QUAN ĐỐI TÁC CHÍNH

Sở kế hoạch và đầu tư Quảng Ngãi

96 Nguyễn Nghiêm, thị xã Quảng Ngãi

Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Điện thoại : +84 55 825701

BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

37 Phạm Văn Đồng, thị xã Quảng Ngãi

Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Điện thoại : +84 55 816261 Fax : +84 55 816260

NHÀ THẦU QUẢN LÝ ÔX-TRÂY-LIA

URS Sustainable Development

Level 1, 25 North Terrace

Hackney SA 5069 AUSTRALIA

Tel : +61 8 8366 1000 Fax : +61 8 8366 1001

URS Australia Pty Ltd (URS) soạn thảo báo cáo này cho việc sử dụng của Cơ quan phát triển quốc tế Úc (AusAID) theo phạm vi công việc và phục vụ cho mục đích được ghi trong Hợp đồng giữa URS và AusAID về Chương trình Phát triển nông thôn Quảng Ngãi (RUDEP) – Giai đoạn 2.

Báo cáo này cần phải được đọc đầy đủ. Người viết không chịu trách nhiệm về bất kỳ sự vận dụng từng phần nào trong báo cáo này vào một bối cảnh khác biệt nào đó hoặc phục vụ cho một mục đích nào khác hoặc dùng bởi những bên thứ ba.

MỤC LỤC

Từ viết tắt	iv
Tóm tắt	v
1 Giới thiệu và xuất xứ vấn đề	1
1.1 Giới thiệu	1
1.2 Ghi chú về sự phân loại đất rừng	2
1.3 Tóm lược các bước cơ bản của quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp.....	3
1.4 Các mục tiêu của chuyển công tác.....	4
1.5 Các phương pháp được sử dụng	5
2 Các quan sát và phát hiện	6
2.1 Đất rừng tại Quảng Ngãi.....	6
2.2 Đường lối tiếp cận chung đối với FLUPLA tại Quảng Ngãi.....	7
2.3 Chủ trương về FLUPLA của PPC.....	8
2.4 Các thông lệ thực hiện FLUPLA hiện thời trong địa bàn có RUDEP hoạt động 8	
2.5 Các khía cạnh tích cực của hoàn cảnh hiện thời.....	12
2.6 Các lĩnh vực vấn đề.....	13
3 RUDEP có thể làm thế nào để hỗ trợ FLUPLA	14
3.1 Xây dựng một môi trường tích cực thông qua việc gia tăng đối thoại với và giữa các cơ quan/ đơn vị có liên quan đến ngành lâm nghiệp.....	14
3.2 Phân tích các nhu cầu FLUPLA và các chi phí của các phương án can thiệp về FLUPLA tại các xã Chương trình, và tìm kiếm sự phê duyệt về kinh phí tài trợ.....	15
3.3 Xin sự phê duyệt từ Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh về việc thực hiện một hoạt động FLUPLA thí điểm tại một xã “cũ” thuộc RUDEP, với việc sử dụng dự thảo các hướng dẫn về FLUPLA đối với QN.....	15
3.4 Rà soát lại các bước hướng dẫn về PPP theo hướng lồng ghép FLUPLA	16
3.5 Nâng cao năng lực thông qua việc hỗ trợ các cơ quan liên quan đánh giá các nhu cầu đào tạo và tổ chức đào tạo.....	17
3.6 Phát triển các hoạt động hỗ trợ tiềm tàng.....	18
4 Đầu ra của cuộc họp thông tin	20
5 Chi phí và lợi ích tiềm tàng trong công tác FLUPLA	21
5.1 Các lợi ích tiềm tàng	21
5.2 Chi phí dự kiến	21
6 Các phương án thực hiện	24

6.1 Các phương án về đội ngũ nhân sự	24
6.2 Các phương án hỗ trợ nông hộ nghèo	25
7 Các hoạt động tiếp theo cho việc hỗ trợ tư vấn	26
7.1 Cố vấn nước ngoài	26
7.2 Cố vấn trong nước.....	26

CÁC BẢNG

Bảng 1: Diện tích đất rừng (ha) tại tỉnh Quảng Ngãi phân theo loại và hiện trạng che phủ rừng.....	6
Bảng 2: Các mâu thuẫn tiềm tàng?: RUDEP các xã năm đầu của SFDP	12
Bảng 3: Công cụ phân tích để ước tính kinh phí cho FLUPLA và trồng rừng ...	45

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Các nội dung yêu cầu công việc (đã được sửa đổi)....	28
Phụ lục 2: Lịch trình các hoạt động của đoàn cố vấn và danh sách những người đã tiếp xúc.....	29
Phụ lục 3: Vai trò của FLUPLA trong chiến lược lâm nghiệp ở Cao Bằng	31
Phụ lục 4: Các bước cơ bản hướng đến CBFM.....	36
Phụ lục 5: Khái niệm vườn ươm cấp thôn và các phương thức	37
Phụ lục 6: Tóm lược các hoạt động của các Dự án khác có cấu phần FLA và các ảnh hưởng có thể tại các xã thuộc RUDEP.	43
Phụ lục 7: Bảng tóm tắt tình hình Sử dụng đất tại các xã thuộc RUDEP ...	44
Phụ lục 8: Bảng chú giải các thuật ngữ liên quan đến lâm nghiệp và các từ viết tắt	1
Phụ lục 9: Danh mục các Quyết định và Nghị định chính liên quan đến FLUPLA.....	2

Từ viết tắt

5MHRP	Chương trình tái sinh rừng 5 triệu hecta
ADP	Dự án đa dạng hoá nông nghiệp
AG	Nhóm hoạt động hộ gia đình
AMC	Nhà thầu quản lý Ôx-trây-lia
AP	Kế hoạch hàng năm
ATL	Trưởng đoàn Ôx-trây-lia
AusAID	Cơ quan phát triển quốc tế Ôx-trây-lia
CBFM	Quản lý rừng dựa vào cộng đồng
CPC	UBND Xã
DARD	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
DNRE	Sở Tài nguyên và Môi trường
DOLISA	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
MOLISA	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
DPC	UBND Huyện
DPI	Sở Kế hoạch và Đầu tư
FAO	Tổ Chương nông lâm của Liên Hiệp Quốc
FDS-D	Chi cục phát triển lâm nghiệp (thuộc Sở NN&PTNT)
FLA	Giao đất lâm nghiệp
FLUPLA	Quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp
FPD	Chi cục Kiểm Lâm
FSSP(P)	Chương trình (và hợp tác) hỗ trợ ngành lâm nghiệp
GIS	Hệ thống thông tin vùng địa lý
GPS	Hệ thống định vị toàn cầu
HH	Hộ gia đình
KfW	Kreditanstalt fuer Wiederaufbau (Ngân hàng phát triển Đức)
LA	Giao đất (dùng do Giao đất lâm nghiệp, có thể gồm cả đất nông nghiệp)
LUP	Kế hoạch/ quy hoạch sử dụng đất
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
MPI	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
PCC	Ban Điều phối Chương trình
PDA	Cố vấn phát triển có sự tham gia
PDD	Tài liệu thiết kế Chương trình
PMU	Ban Quản lý Chương trình
PPC	Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh
PPP	Quy trình lập kế hoạch có sự tham gia
PRA	Đánh giá nhanh nông thôn
QN	Quảng Ngãi
RUDEP	Chương trình phát triển nông thôn Quảng Ngãi
SFDP	Dự án hỗ trợ lâm nghiệp xã hội (với hỗ trợ của WB)
SFE	Lâm trường nhà nước
STA	Cố vấn ngắn hạn
TAG	Đoàn cố vấn kỹ thuật

Tóm tắt

Chương trình phát triển nông thôn Quảng Ngãi (RUDEP) đã được Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh (PPC) uỷ thác việc hỗ trợ và hợp tác với Sở Tài nguyên và Môi trường (DNRE) để nghiên cứu những cách thức mà RUDEP có thể hỗ trợ và thúc đẩy việc quy hoạch và giao đất lâm nghiệp (FLUPLA) để giúp có thêm các hoạt động tạo thu nhập cho công cuộc giảm nghèo.

Báo cáo này trình bày sự mô tả chi tiết về các điều kiện, hệ thống phân loại đất, các quy trình thủ tục, và các hạn chế trong việc phân bổ và đăng bạ (Sổ đỏ) đất rừng tại tỉnh Quảng Ngãi; xác định những khía cạnh tích cực của hoàn cảnh hiện thời, đồng thời chỉ ra những lĩnh vực khó khăn còn tồn tại.

Báo cáo này đề xuất 6 lĩnh vực then chốt sau đây cho sự hỗ trợ tiềm năng của RUDEP:

1. Xây dựng một môi trường hấp dẫn, thuận lợi thông qua sự tăng cường đối thoại với các cơ quan liên quan đến ngành lâm nghiệp.
2. Phân tích các nhu cầu và các chi phí của công tác FLUPLA tại các xã RUDEP.
3. Tìm kiếm sự chấp thuận của UBND Tỉnh về một hoạt động FLUPLA thí điểm tại một xã “cũ” của RUDEP.
4. Rà soát lại quy trình lập kế hoạch có sự tham gia của RUDEP theo hướng bao gồm cả hoạt động FLUPLA.
5. Làm việc theo hướng nâng cao năng lực cho FLUPLA thông qua việc hỗ trợ các cơ quan liên quan về việc xác định các nhu cầu đào tạo, và đáp ứng các nhu cầu đã được xác định ra.
6. Phát triển một loạt các hoạt động hỗ trợ cho các Nhóm hoạt động hộ gia đình ở cấp xã.

Các lợi ích tiềm năng của việc RUDEP tham gia vào lĩnh vực FLUPLA chủ yếu là giúp cho việc đảm bảo các nhu cầu của hộ nghèo đều được xét đến trong quá trình phân bổ đất rừng. Việc phân tích một cách đầy đủ về các chi phí tiềm năng đã không thể thực hiện được do không có đủ dữ liệu, song việc phân tích từng phần đã được thực hiện và đưa vào phần phụ lục cho báo cáo cùng với đề xuất về các phương cách cho việc thực hiện một sự phân tích đầy đủ hơn.

Chuyên gia đã đề xuất các phương án hỗ trợ hộ nghèo đáp ứng điều kiện đối với việc giao đất rừng thông qua việc hỗ trợ sự đầu tư cần thiết trong năm đầu, và phân tích các phương án tiếp theo liên quan đến việc quản lý các nhu cầu của cán bộ để giúp RUDEP tham gia một cách đầy đủ vào quá trình FLUPLA.

Các phụ lục kèm theo báo cáo này nhằm chuyển tải thêm thông tin và các đề xuất kỹ thuật.

Quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp (FLUPLA) tại Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Drake Hocking và Phạm Nguyễn Khôi

1 Giới thiệu và xuất xứ vấn đề

1.1 Giới thiệu

Trong phần giới thiệu này, có một số đoạn được lấy từ thông tin do RUDEP cung cấp vào lúc chuyên gia bắt đầu công tác.

Trong số những cơ hội hỗ trợ người dân tạo thu nhập, RUDEP đã xác định tiềm năng của lâm nghiệp và tái sinh rừng bền vững, vì hoạt động này hiện đang được thực hiện tại nhiều địa phương. Tuy nhiên, hiện nay tại Quảng Ngãi đất rừng chưa được phân bổ nhiều cho các hộ dân. Điều này gây ra những mối quan tâm về tính bền vững của mọi hoạt động lâm nghiệp do thiếu quyền sử dụng an toàn đối với đất đai. Vì vậy RUDEP cảm thấy cần phải nghiên cứu những cách thức làm thế nào để cải thiện sự tiếp cận của hộ gia đình đối với đất lâm nghiệp. Quy hoạch sử dụng đất bền vững, theo sau đó là việc giao đất lâm nghiệp cho các hộ dân, đã được xác định là một hoạt động mà RUDEP có thể hỗ trợ tại tỉnh Quảng Ngãi.

RUDEP đã hợp đồng một chuyên gia nghiên cứu sơ bộ được báo cáo vào năm 2003 (“Báo cáo chuyển công tác lâm nghiệp của chuyên gia Tổ chức FAO đến Chương trình Phát triển nông thôn Quảng Ngãi”, Christian Sloth, Tháng 3 & tháng 4/2003). Mặc dù Báo cáo nghiên cứu năm 2003 này đưa ra được một sự giới thiệu tổng thể về chủ đề, song nó vẫn còn thiếu những thông tin đầy đủ chi tiết về các thủ tục và các quy định thể chế. Vì vậy cần phải có nhiều thông tin hơn nữa trước khi có thể xây dựng một điểm thâm nhập hoặc một chương trình rõ ràng cho RUDEP.

Trong khi đó, Đoàn Cố vấn Kỹ thuật (TAG) của AusAID đã mạnh mẽ đề nghị với RUDEP và UBND Tỉnh rằng Chương trình nên bắt đầu tham gia các hoạt động về Quy hoạch sử dụng đất và giao đất (LUPLA). Mặc dù trong Văn kiện Thiết kế Chương trình (PDD) không ghi những khoản kinh phí cụ thể cho các hoạt động LUPLA, song các nguồn kinh phí có thể thu xếp nếu vấn đề được đưa ra Ban điều phối Chương trình (PCC) và tại Cuộc họp sơ kết giữa kỳ Chương trình phát triển nông thôn Quảng Ngãi (tháng 2/2005). Bên cạnh đó Ủy ban nhân dân Tỉnh (PPC) cũng đã có ý kiến rằng RUDEP có thể nghiên cứu các hoạt động về sử dụng và giao đất. Dự kiến rằng các kết quả của việc nghiên cứu này (hay còn gọi là ‘nghiên cứu lĩnh vực’) sẽ được phản hồi lại cho PPC/ PCC để khởi xướng đối thoại với các cơ quan khác để phối hợp cho sự tham gia của RUDEP.

Những vấn đề lớn còn cần được giải quyết:

RUDEP đã xác định ra một số quan tâm và nêu một số vấn đề cần được đề cập giải quyết trước khi khởi xướng các hoạt động LUPLA:

- Nguồn lực con người hiện thời của RUDEP còn bị hạn chế đối với phạm vi và tiềm năng cho công tác LUPLA. Việc nâng cao năng lực sẽ là một cấu phần chính trong các hoạt động LUPLA tại cấp tỉnh, huyện và xã - Những mặt này sẽ cần phải được xác định.

- Mặc dù PPC có khuyến nghị RUDEP nghiên cứu đề tài này, thiện chí của họ để xúc tiến và hỗ trợ các hoạt động LUPLA vẫn còn chưa được biết rõ. Các câu hỏi cần được nêu ra để xác định PPC muốn RUDEP hỗ trợ hoạt động này đến mức độ nào.
- Các hoạt động LUPLA sẽ lôi kéo nhiều bên tham gia liên quan. Việc phối hợp toàn bộ các bên liên quan này lại với nhau sẽ có nhiều khó khăn.
- Các nỗ lực về lâm nghiệp và tái sinh rừng có thể mâu thuẫn với nhiều chỉ tiêu và hoạt động sản xuất khác (vd, cây mì), đặc biệt là tại các xã dân tộc thiểu số vùng cao (vd, Sơn Hải).
- Các hoạt động LUPLA sẽ gặp phải nhiều khó khăn do tính nhạy cảm của vấn đề, đặc biệt là ở các xã dân tộc thiểu số vùng cao.

Nhiệm vụ của đoàn công tác lần này là nghiên cứu cách thức làm thế nào để RUDEP có thể thực hiện theo hướng giải quyết các vấn đề trên và tạo một sự khởi đầu cho việc tham gia vào FLUPLA.

1.2 Ghi chú về sự phân loại đất rừng

Cái mà mọi người gọi là **đất rừng** (đôi khi là **đất lâm nghiệp**) không phải khi nào cũng giống nhau. Trong báo cáo này, chúng tôi dùng thuật ngữ này để nói đến mọi vùng đất có độ dốc bình quân trên 10° và ở thời điểm nào đó có thể nó có cây ở vùng đó, cho dù hiện nay có còn cây hay không. Nơi cây cối hiện diện, thì được gọi là **độ che phủ rừng**.

Tại Việt Nam cũng như vài nơi khác, đất nói chung được phân thành nhiều nhóm hạng như sau, dựa trên sự kết hợp giữa sự sử dụng tiềm năng và sử dụng thực tế hiện tại:

1. **đất nông nghiệp**; đất bằng phẳng hay có độ dốc hơi nghiêng chút ít và có chân đất tốt.
2. **đất rừng**, về ý nghĩa tiềm năng là mọi vùng đất có độ dốc trên 10°. (tuy nhiên, cần xem chi tiết dưới đây)

Có nhiều phạm trù khác nhau thêm nữa được dùng cho nhiều mục đích khác nhau, song nhìn chung các nhóm hạng được biết tại Quảng Ngãi gồm:

3. **đất chưa sử dụng**, đất không có khả năng hỗ trợ cây cối hoặc cây mùa màng; nói chung là vì vùng đất đó lẫn nhiều đá, đất nằm trên chóp núi, đất ngập lụt thường xuyên theo mùa, đất chạy ven biển, và đại loại như vậy. Tuy nhiên nhóm hạng này cũng có khuynh hướng được dùng cho đất (thường là ít nhiều nghiêng dốc) có khả năng lâm nghiệp nhưng được dùng cho mục đích khác, ví dụ như nông nghiệp. Điều này thường gây lúng túng trong thống kê và làm cho chúng khó diễn giải.
4. **đất ở**, là những vùng chỉ có nhà cửa và đường sá.

Đất rừng được phân thêm thành ba loại: **phòng hộ**, **sản xuất** và **đặc dụng**. (Đất nông nghiệp dĩ nhiên cũng được phân thêm thành nhiều loại nhưng không đề cập đến trong chủ đề của báo cáo này). Ba loại đất rừng này được phân chia theo hỗn hợp các tiêu chí lý sinh (độ dốc, bề dày của nền đất, sự đa dạng hoá sinh học, v.v.) và theo các sử dụng đất hiện nay hoặc theo quy hoạch, đặc biệt là theo sự hiện diện của những đầu tư cơ bản lớn như đập thủy điện hoặc đập thủy lợi.

Phần lớn đất rừng tại Quảng Ngãi (QN) bắt đầu được phân loại **rừng phòng hộ**, nghĩa là ý định sử dụng chính là bảo vệ vùng lưu vực sông (giảm thiểu nguy cơ xói lở và tăng độ chứa nước ở vùng cao), bảo vệ các bên bờ sông và các vùng bờ hồ, và phòng hộ ven biển (chống gió cát di động và bảo vệ vùng phía trong ven biển). Loại đất rừng này có

những hạn định gặt gao về số lượng và phương thức thu hoạch cây và lâm sản cho phép vì những lý do rõ rệt.

Loại **rừng sản xuất** gồm đất rừng (thường là mọi vùng đất có độ dốc trên 10°; ngược lại là đất nông nghiệp) được che bọc để chống xói lở bằng một vùng đệm của rừng phòng hộ, và có chân đất tốt thuận lợi cho sự sinh trưởng cây. Sự phân biệt giữa rừng sản xuất và rừng phòng hộ được chi phối bằng nhu cầu đảm bảo sự phân nước tương xứng từ các đường lưu vực cho các đập lớn. Vì vậy, các quy luật lý sinh có thể bỏ qua ở vùng kề sát với các hồ ngăn nước hoặc nói lỏng cho vùng bên ngoài vùng lưu vực thiết yếu theo lý thuyết.

Nhóm hạng **rừng đặc dụng** là tương đối rất nhỏ và không mấy quan tâm đối với chúng tôi. Nó là đất rừng được dành cho các mục đích sử dụng đặc biệt như nơi di tích lịch sử, lâm viên, khu du lịch, vùng dự phòng.

Tuy nhiên, còn một nhóm hạng phải được quan tâm, đó là **đất chưa sử dụng**, vì theo thông tin thống kê thì chúng thường bao gồm, hoặc thậm chí chủ yếu gồm, đất rừng độ dốc cao không có cây cối để chuyển thành đất sử dụng chủ yếu cho nông nghiệp. Điều này đặt ra những vấn đề đặc biệt đối với sự quản lý bền vững mà chúng tôi sẽ đề cập ở phần sau.

1.3 Tóm lược các bước cơ bản của quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp

Các khái niệm cơ bản đối với quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp (FLUPLA) có thể được nêu lên một cách đơn giản và ngắn gọn. Việc áp dụng các khái niệm này vào các hoàn cảnh cụ thể trên thực địa kéo theo rất nhiều biến đổi về chi tiết, đòi hỏi kinh nghiệm và sự linh hoạt để thích nghi phương pháp với thực tế. Phạm vi của báo cáo này không đi sâu vào những chi tiết này. Chúng thuộc về lĩnh vực của các Quy định hoàn chỉnh sẵn có đâu đó (xem nhận xét ở phần sau).

1. Khuôn khổ chính sách quy định chi tiết các nguyên tắc áp dụng đối với các nhóm hạng đất để xem xét và giao đất.
2. Gửi thông báo trước đến xã; sau đó là họp dân để giải thích về FLUPLA, thông báo các chủ trương chính, và mời thảo luận. Khởi xướng sự suy nghĩ địa phương về Kế hoạch sử dụng đất.
3. Tổ chức một tổ công tác đến xã, gồm đại diện từ các cơ quan cấp huyện then chốt có liên quan (Ban quản lý rừng, Địa chính, Kiểm lâm, Nông nghiệp, Tài nguyên và Môi trường) cùng với trang thiết bị thực địa cần thiết.
4. Thảo ra Kế hoạch sử dụng đất cấp xã, với sự tham gia của hộ gia đình và theo các Bản đồ quy hoạch tổng thể cấp tỉnh và cấp huyện. Vào lúc này, các ranh giới của nhiều loại đất rừng khác nhau phải được thiết lập rõ. Quy hoạch sử dụng đất phải gồm việc dự phòng toàn bộ các nhu cầu sử dụng đất hiện thời và nhu cầu sử dụng đất dự kiến trong tương lai. Việc này có thể bao gồm việc thay thế các sử dụng hiện thời bằng các phương án chọn lựa để đáp ứng nhu cầu, chẳng hạn đất chăn thả gia súc có thể được thay bằng việc nuôi nhốt hoặc trồng cây thức ăn xanh.
5. Xác định trên các địa giới của mỗi phần đất chia theo hộ gia đình sẽ được phân bổ; gồm cả các phần chia đất rừng sản xuất thường được gọi là đất “chưa sử dụng”. Thường các phần đất chia theo hộ vốn quen thuộc đối với nông hộ và phần lớn sẽ thích hợp với sự sử dụng hiện thời (chính thức hoặc không chính thức). Đây là cơ hội để nêu ra các vấn đề về tính công bằng và sự phân phối lại

- không đáng kể nếu cần. Nó cũng là lúc giải quyết các tranh chấp về ranh giới trong thôn và/ hoặc xã. Nếu đất rừng chưa sử dụng trước đây (sản xuất hay phòng hộ, có hay không có cây ở trên đó) sẽ phải được phân bổ, một sự phân phối công bằng với các nối kết logic đến các phần đất thuê mướn khác cần phải được thống nhất.
6. Đo đạc và lập bản đồ các ranh giới đã được nhất trí. Thực hiện thêm vài điều chỉnh nếu các đo đạc thực tế bộc lộ ra những khía cạnh không công bằng không thấy rõ bằng mắt thường.
 7. Hoàn tất các hồ sơ xin cấp sổ của từng hộ và thu thập các chữ ký cần thiết từ các hộ và UBND xã, và trình lên UBND huyện để phê duyệt cấp Sổ đỏ, và đến Ban quản lý rừng để làm hợp đồng phân chia lợi (gồm rừng phòng hộ và rừng tái sinh cộng phòng hộ).
 8. UBND Huyện và Ban quản lý rừng sau đó có trách nhiệm phê duyệt và cấp giấy tờ. Nếu cần có những điều chỉnh, các giấy tờ phải được chuyển lại cho UBND xã. Nếu có những mâu thuẫn với các xã khác, đây là cấp độ mà chúng phải được giải quyết.
 9. UBND huyện và Ban quản lý rừng gửi các hồ sơ trả lại của đất đã phân bổ cho Chi cục phát triển lâm nghiệp.
 10. Mặc dù không phải hoàn toàn là một phần của FLUPLA, một khía cạnh thiết yếu của tính bền vững đó là sự hỗ trợ liên tục và tích cực cho việc xây dựng các Kế hoạch và Quy ước Quản lý Rừng ở địa phương (Quản lý rừng dựa vào Cộng đồng – CBFM). Điều này có khuynh hướng là nhiệm vụ của các hạt kiểm lâm cấp huyện trực thuộc Chi cục kiểm lâm, theo các quy tắc và khuôn mẫu do Chi cục kiểm lâm đề ra. Ban Quản lý rừng địa phương thông thường sẽ có các kế hoạch tái sinh rừng trên ít nhất một phần đất và vì vậy sẽ kéo theo những đầu tư đáng kể. Kinh phí cho đất rừng phòng hộ có thể lấy từ quỹ 661 do các Ban quản lý rừng quản lý; còn đối với đất rừng sản xuất thì có thể là từ các dự án hoặc từ các nguồn thương mại hoặc tư nhân.

1.4 Các mục tiêu của chuyển công tác

Nội dung yêu cầu công việc đã được RUDEP soạn thảo từ nhiều tháng trước khi chuyên gia thực hiện đợt công tác này và công việc ghi trong nội dung này nằm trên một phạm vi rất rộng. Kinh nghiệm và bối cảnh đổi thay sau đó đã thu hẹp bớt phạm vi yêu cầu của RUDEP và tập trung vào các điểm sau, trên cơ sở thảo luận và thống nhất với chuyên gia tư vấn khi bắt đầu thực hiện công việc:

1. Rà soát các quy trình và các hoạt động FLUPLA hiện thời tại các xã RUDEP.
2. Xác định RUDEP có thể và nên làm những gì để hỗ trợ FLUPLA.
3. Cung cấp bản đề cương các bước cải tiến FLUPLA mà RUDEP có thể thảo luận với UBND Tỉnh, UBND các huyện và các xã.
4. Tổ chức một Cuộc họp thông tin để minh họa FLUPLA thông qua ví dụ về Cao Bằng, và trình bày các đề nghị cho RUDEP để thảo luận và phản hồi.
5. Xác định các nhu cầu nâng cao năng lực để hỗ trợ cho sự thực hiện đạt hiệu quả.

(Xem Phụ lục 1 về nội dung cụ thể của các vấn đề thảo luận và Bản nội dung yêu cầu công việc điều chỉnh)

1.5 Các phương pháp được sử dụng

Nhóm chuyên gia công tác đã dùng các phương pháp sau để tiếp cận các nhiệm vụ của mình. Nhóm đã được đưa đi thực tế và tham dự các cuộc họp và cùng đi với nhóm là một phiên dịch Chương trình và một Cán bộ đối tác phía Sở KH&ĐT là anh Huy (đến mọi địa điểm), Cố vấn Phát triển cộng đồng – ông Bedes (đến phần lớn các địa điểm), và Trưởng đoàn Ô-x-trây-li-a – ông Trevor Ole (đến vài địa điểm).

1. Viếng thăm thực địa, nói chuyện với nông hộ, thảo luận với các UBND xã.
2. Trao đổi và thảo luận với các cán bộ của các cơ quan thuộc tỉnh có liên quan đến lâm nghiệp.
3. Tổ chức cuộc họp thông tin trình bày bối cảnh (từ kinh nghiệm tại Cao Bằng) và các đề xuất đối với Quảng Ngãi, để thảo luận và nghe ý kiến phản hồi từ các đại diện của các cơ quan liên quan thuộc tỉnh và huyện về dự họp.

2 Các quan sát và phát hiện

2.1 Đất rừng tại Quảng Ngãi

Đất rừng “chưa sử dụng” và chưa phân bổ hiện còn ở nhiều xã và huyện RUDEP và trên toàn Quảng Ngãi. Phần nhiều trong những vùng đất này đã không còn cây rừng tự nhiên và còn lại số ít rừng chưa khai phá. Ở nơi có cây tại các xã RUDEP thì chủ yếu là các giống keo và bạch đàn.

Sự phân bố và điều kiện đất rừng giữa các xã đồng bằng và các xã miền núi là rất khác nhau. Các vùng đồng bằng có khuynh hướng có ít đất rừng, và phần lớn đất rừng ở đó không còn rừng tự nhiên nữa. Số cây hiện diện thường là cây trồng, chủ yếu là cây bạch đàn chất lượng thấp hoặc các giống keo lai được đưa về trồng trong thời gian gần đây. Có nhiều đồi thấp hoàn toàn không có cây.

Ngược lại tại các xã miền núi, đất rừng thường có nhiều hơn nhiều (kể cả những vùng rộng lớn gọi là đất ‘chưa sử dụng’) so với vùng được gọi là đất ‘nông nghiệp’. Và phần nhiều đất rừng, hay chí ít là có những phần đất rừng vẫn còn ít rừng tự nhiên, chủ yếu giảm thành dạng tái sinh cây bụi của hỗn hợp nhiều chủng loại suy thoái. Vì vậy đất rừng mang tầm quan trọng lớn đối với sinh kế của người dân tại các xã miền núi hơn là tại các xã đồng bằng. Các khác biệt này sẽ minh họa rõ nét trong việc suy nghĩ về các đường lối tiếp cận của RUDEP đối với các vấn đề giao đất.

Diện tích đất rừng tại Quảng Ngãi

Bảng dưới đây là con số thống kê của Chi cục phát triển lâm nghiệp (FDS-D) về diện tích đất rừng được hiểu là chỉ số chung về diện tích đất sẵn có cho sự phân bổ.

Bảng 1: Diện tích đất rừng (ha) tại tỉnh Quảng Ngãi phân theo loại và hiện trạng che phủ rừng

Sự che phủ	Phân loại rừng			Tổng
	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	Rừng đặc dụng	
Đất có cây (chất lượng không xác định)	63,320	70,090	3,659	141,069
Đất “trống” (có lẽ gồm cả đất “chưa sử dụng”)	90,019	107,531	5,059	202,610
Tổng cộng	153,339	177,621	8,718	343,679

Ghi chú: Số liệu của năm 2002. Nguồn: FDS-D.

Các số liệu trên về đất rừng tại Quảng Ngãi mang một ý nghĩa diễn giải rõ ràng về tiềm năng giao đất cho hộ gia đình. Chúng tôi được ông Chi cục phó FDS-D cho biết rằng CHỈ CÓ đất rừng *sản xuất* được phân cho hộ gia đình theo diện cấp Sổ đỏ. Rừng đặc dụng không phân được vì những lý do rõ ràng. Đất rừng sản xuất có cây hoặc không có cây có thể được giao cho hộ theo phương thức khoán (thời hạn từ 5 đến 10 năm tùy vào các chủng loại cây) để phòng hộ hoặc trồng lại và có quyền hoa lợi đối với sản phẩm không phải thân gỗ và phân chia lợi ích trong việc thu hoạch các loại cây trồng phụ (thu hoạch cây chính là không được phép đối với rừng phòng hộ). Các định mức tiêu chuẩn được áp dụng theo Chương trình tái trồng rừng 5 triệu hecta đối với các hợp đồng khoán phân chia lợi ích này.

2.2 Đường lối tiếp cận chung đối với FLUPLA tại Quảng Ngãi

Người ta nhận thức rõ rằng việc Giao đất (LA) là một điều kiện tiên quyết cơ bản cho sự gia tăng động cơ thúc đẩy nông hộ phát triển đất rừng cũng như nó đã từng thực hiện về đất nông nghiệp. Người ta ít hiểu rõ hơn rằng việc giao đất hợp lý đối với đất rừng chỉ có thể thực hiện sau khi Quy hoạch sử dụng đất (LUP), và rằng cả LUP và LA đều cần có sự tham gia của chính bản thân các nông hộ để kiểm soát quy trình bên cạnh việc tuân theo các chủ trương và quy định chung. Có hai lý do chính cho vấn đề này.

Một là, phần lớn đất rừng đều mang nhiều mục đích sử dụng chồng chéo nhau cả về không gian lẫn thời gian. Các ví dụ gồm: phòng hộ đầu nguồn, sản xuất cây gỗ, chăn thả gia súc, thu thập lâm sản phẩm không phải gỗ, chuyển đổi canh tác với đất hoang luân canh dài, và ở một số nơi là giải trí và du lịch. Ở nhiều địa phương, những vùng đất rừng rộng lớn trên thực tế đang được sử dụng cho canh tác nông nghiệp, trồng cây lương thực để sinh sống (lúa rẫy, ngô rẫy) cũng như trồng cây để thu hoa lợi (mì, mía). Ở vài hệ thống phân loại sử dụng đất, những vùng để mở như thế trong đất rừng được gọi là đất chưa sử dụng. Điều này áp dụng tại Quảng Ngãi đặc biệt là đối với các vùng trồng mì thương mại rộng lớn, và là một ví dụ minh họa cơ bản cho lý do tại sao việc phân loại và quy hoạch sử dụng đất là có ý nghĩa nhất khi nó được thực hiện bởi chính bản thân người sử dụng đất, là nông hộ. Đó là, LUP phải ***có sự tham gia*** mới có ý nghĩa.

Hai là, các hoạt động lâm nghiệp được chuẩn bị và thực hiện tốt nhất trên các tiểu khu lớn về đất tiếp giáp mà thường lớn hơn phần có thể phân bổ cho một hộ. Để đầu tư vào việc phát triển hoặc cải tiến những tiểu khu như thế, thường cần có một mức độ bảo vệ, chẳng hạn ngăn việc chăn thả gia súc trong ít nhất là vài năm để giúp cây con phát triển vượt trên tầm cao phá hại của gia súc chăn thả. Điều này chỉ có thể đạt hiệu quả nếu nó được nhất trí và ủng hộ bởi toàn cộng đồng, mà vì vậy là một nguyên tắc cơ bản trong việc hoạch định đối với các hoạt động và phân bổ các tiểu khu đất như thế cho các hộ tham gia.

Thêm một điểm cần lưu ý: mặc dù thường được nói bản thân nó đã là một quy trình, FLUPLA trên thực tế là một phần thiết yếu của một chiến lược kết hợp (xem Phụ lục 3) cho việc tự ra quyết định của các cộng đồng địa phương trong việc quản lý các nguồn tài nguyên rừng và đất rừng của họ. Nó không nên được xem là “việc mà anh phải làm” mà cần được xem như là một phần của tất cả mọi công việc khác được cùng làm với các cộng đồng nơi có nhiều đất rừng. Khái niệm này được gọi là “Quản lý rừng dựa vào cộng đồng” hay gọi tắt là CBFM (xem Phụ lục 4 để thêm chi tiết). Điều quan trọng là tổ chức sự tham gia của toàn cộng đồng vào việc quản lý rừng vì cần phải có hành động tập thể, ví dụ:

1. cho việc bảo vệ các vùng trồng không bị phá hại bởi gia súc chăn thả một cách có hiệu quả,
2. cho các quy ước cộng đồng về thu hoạch sản phẩm gỗ và không phải gỗ,
3. cho các hoạt động ngăn chặn và phòng chống cháy,
4. cho các hoạt động thu hoạch,
5. cho việc đàm phán giá cả sản xuất với các đơn vị thu mua

Đối với RUDEP, FLUPLA qua đó có thể được nhìn nhận như một phần của một quy trình sâu hơn về việc lập kế hoạch phát triển nói chung. Nó nằm trong sự thâm nhập ban đầu vào các xã mới của Chương trình, một phần của quy trình lập kế hoạch thôn, được mở rộng một cách phù hợp và được cung cấp các kỹ năng để thực hiện các bước bổ sung cần thiết. Và nó có thể sẵn sàng được áp dụng bởi các hướng dẫn viên cấp thôn tại các xã cũ thuộc RUDEP vốn đã được huấn luyện và làm quen với các công cụ điều

tra nhanh nông thôn có sự tham gia (PRA) và sự tiếp cận theo quy trình lập kế hoạch có sự tham gia (PPP), và chỉ cần ít nhiều tập huấn thêm về GPS và FLUPLA.

2.3 Chủ trương về FLUPLA của PPC

Đoàn công tác không có cơ hội để trao đổi thảo luận với các thành viên hoặc văn phòng của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh (PPC). Tuy nhiên, chúng tôi được ông Phó giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư cho biết rằng Tỉnh đã đặt yêu cầu đối với mọi cơ quan liên quan về việc cần phải hoàn thành toàn bộ việc giao đất lâm nghiệp (FLA) và cuối năm 2005. Ông ta cũng thông tin rằng Chi cục phát triển lâm nghiệp hiện nay đã có Kế hoạch phát triển rừng đến 2010, vì vậy nay không cần phải qua bước Quy hoạch sử dụng đất trước khi nhanh chóng xúc tiến FLA.

Đoàn công tác thiết nghĩ nên tiếp tục thúc đẩy hơn nữa về tiến trình nhanh chóng cho vấn đề quan trọng này. Để đạt được mục tiêu tham vọng này sẽ là một điều đáng ghi nhận. Một số vướng mắc về hành chính và luật định vẫn còn tồn tại, mà sẽ được mô tả ở các đoạn sau, và mọi cơ quan mà chúng tôi tiếp xúc đều thiếu kinh phí thậm chí cho phần cơ bản nhất của các công việc. Kinh nghiệm tại các nơi khác cho thấy nhiều vấn đề khó khăn xuất phát từ công tác giao đất rừng vội vã mà được thực hiện không có sự tham gia của nông hộ và không có khâu quy hoạch sử dụng đất có sự tham gia ở cấp địa phương. Vì thế một chỉ tiêu cứng nhắc có thể thành phản tác dụng vì không khuyến khích được những giải pháp mang tính đổi mới đối với những khó khăn này.

2.4 Các thông lệ thực hiện FLUPLA hiện thời trong địa bàn có RUDEP hoạt động

Các mô tả sau đây là dựa trên các quan sát và phỏng vấn tại thời điểm công tác, các ghi chép trong bản 'Báo cáo chuyên công tác lần thứ nhất: chuyên công tác của chuyên gia lâm nghiệp tổ chức FAO đến Chương trình phát triển nông thôn Quảng Ngãi' của Christian Sloth (RUDEP 2003) và các ghi chép trong Báo cáo soạn thảo dự án dự thảo của World Bank về Dự án phát triển ngành lâm nghiệp (MARD & WB, 2003), và trên bối cảnh chung về các thông lệ thực hiện FLUPLA ở một số nơi.

Để giúp hiểu thêm về mạng lưới các cơ quan có liên quan đến lĩnh vực được mô tả ở phần dưới của báo cáo này, xem sơ đồ bố trí các cơ quan được lược ghi tại Phụ lục 10.

Khuôn khổ hành chính, chủ trương và luật định

Nhìn chung, hiện nay thẩm quyền giao đất rừng sản xuất có Sổ đỏ tại Quảng Ngãi nằm trong cấp Ủy Ban Nhân Dân huyện (DPC). Trách nhiệm khởi đầu cho sự giao đất nằm ở các hộ gia đình, thường với sự khuyến khích và hỗ trợ của DPC hoặc Ủy Ban Nhân Dân xã (CPC). Thẩm quyền cấp Sổ đỏ nằm trong cấp huyện.

Trách nhiệm phân bổ đất rừng sản xuất theo chế độ giao khoán nằm ở các Ban quản lý rừng đầu nguồn (FMB) trực thuộc Ban quản lý rừng của Tỉnh, là một đơn vị của Chi cục phát triển lâm nghiệp (FDS-D) thuộc Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn (DARD). Mỗi FMB quản lý một tiểu khu đất rừng phòng hộ; mỗi tiểu khu cấu thành tối thiểu 5000 ha. Các tiểu khu quản lý xác định liên quan đến các hình thái của vùng đất và các vùng lưu vực sông, không liên quan đến các địa giới hành chính. Có 13 ban quản lý như vậy hoạt động trên toàn địa bàn tỉnh và văn phòng của các ban này thường đặt tại các thị trấn Huyện. Đối với những huyện có nhiều rừng phòng hộ thì có nhiều Ban quản lý, như Huyện Sơn Tây và Huyện Sơn Hà, mỗi huyện có đến 4 ban quản lý.

FDS-D đã triển khai một Kế hoạch sử dụng đất lâm nghiệp cụ thể với các bản đồ kỹ thuật số ở các tỷ lệ 1:75000 (Bản đồ toàn tỉnh; độ phân giải 100ha/ ảnh điểm) và 1:50000 (bản đồ từng huyện), hiện nay đang trong quá trình kiểm tra và thông qua bởi nhiều cơ quan trước khi phát hành sử dụng. Đồng thời còn có một Quy hoạch tổng thể

về tái sinh rừng đến năm 2010, hoàn chỉnh với các chi tiết về các tiểu khu sử dụng đất, độ che phủ rừng và các chỉ tiêu cho nhiều cấp độ khác nhau về xử lý và trồng lại đến tận cấp xã. Các bản đồ xã đang trong quá trình lập.

Sở tài nguyên và môi trường (DNRE) đã soạn thảo Quy hoạch sử dụng đất trên toàn Tỉnh (2000 – 2010) và tham gia trong việc triển khai các Quy hoạch sử dụng đất phân nhánh xuống cấp huyện. Bốn huyện đã hoàn thành quy hoạch sử dụng đất; Sở ước tính rằng sẽ mất thêm hai năm nữa để hoàn tất quy hoạch cho các huyện còn lại (tùy thuộc theo việc có đủ kinh phí sẵn có). Các bản đồ quy hoạch sử dụng đất của DNRE phân loại rừng theo cùng các tiêu chí như FDS-D và FPD, song các tiêu chí dùng để phân biệt **đất** rừng thì có hơi khác, vì Sở phải tuân theo các tiêu chí đề ra bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường (MNRE). Điều này có thể dẫn đến việc có một số phân hạng mâu thuẫn lẫn nhau trên thực địa. Giám đốc DNRE cho chúng tôi biết rằng những mâu thuẫn như vậy có thể được cán bộ địa chính xã xử lý trên thực địa qua thảo luận với cán bộ lâm nghiệp xã và nông hộ. Chúng tôi cho rằng điều này có thể không gây ra vướng mắc gì trong thực tiễn.

Các quy phạm và tiêu chí cụ thể cho một phạm vi rộng rãi các hoạt động tái sinh rừng thì được đưa ra từ Chương trình 5 triệu ha của quốc gia và được chuẩn hoá trên toàn quốc. Việc trồng rừng lại trên đất rừng *sản xuất* bỏ hoang được giả định là khả thi về mặt tài chính với các nguồn vốn đầu tư từ các nguồn thương mại, và là mục tiêu của một số các dự án có vốn viện trợ nước ngoài (xem Phụ lục 6). Nguồn vốn cho việc tái sinh rừng trên đất rừng *phòng hộ* bỏ hoang chủ yếu được lấy từ trung ương thông qua sự phân chia theo Chương trình 661, được cung cấp để tài trợ cho “Chương trình tái sinh rừng 5 triệu hecta” (5MHRP). Tiền được phân chia qua Chương trình 661 được phân bổ đến từng Ban quản lý rừng (FMB) thông qua Ban quản lý các dự án nông lâm của Tỉnh thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (xem đoạn kế tiếp). Lưu ý rằng quỹ 661 được ưu tiên cho rừng phòng hộ, và thường là tiền trợ cấp, hoặc bao cấp, cho mọi hộ gia đình tham gia.

Thủ tục giao khoán đất rừng phòng hộ bỏ hoang cho hộ gia đình để tái sinh rừng được chủ động bởi mỗi FMB theo kế hoạch năm của mình. FMB liên hệ với (các) xã nằm trong kế hoạch năm của mình, bố trí một cuộc họp thông tin ở xã, và mời những nông hộ có quan tâm đến đăng ký với UBND xã. Sau đó, sự phân bổ giữa các hộ dân là trách nhiệm của cán bộ lâm nghiệp xã dựa trên các chỉ tiêu hàng năm của kế hoạch. Các tiêu chí để giao đất cho hộ gia đình bao gồm việc xem xét nguồn nhân lực, trình độ nhận thức, và thái độ của hộ. Hộ nghèo không có thừa nguồn lực lao động khó có khả năng được giao khoán.

Đây là sức ép đáng kể đến mọi huyện và xã để thực hiện việc giao đất rừng đạt tiến độ nhanh chóng thông qua các chỉ đạo từ Tỉnh và chính phủ trung ương và thông qua các tiêu chí về tài trợ qua các dự án hỗ trợ nước ngoài.

Các thông lệ thực hiện hiện thời

Có những dấu hiệu có thấy rằng việc giao đất rừng đối với đất “bỏ hoang” (hay đất “chưa sử dụng”) – có phải đất rừng phòng hộ hay đất rừng sản xuất thì không rõ – quả thực đang diễn tiến một cách nhanh chóng tại các xã, cả ở miền núi và đồng bằng, và trên một cơ sở phi thể thức phụ thuộc vào sự chủ động của địa phương và thường là không có Quy hoạch sử dụng đất từ trước. Tuy nhiên, ở ít nhất là vài xã (vd, Sơn Trung) việc thực sự cấp Sổ đỏ đã diễn ra rất chậm do những vướng mắc quan liêu ở cấp huyện. Chi cục phó FDS-D cho chúng tôi biết rằng Sổ đỏ đến nay mới chỉ cấp được cho khoảng 10% đất đã được giao. Những vướng mắc chính có vẻ bao gồm cả tình trạng không rõ ràng do thiếu các quy định hướng dẫn cụ thể từ Tỉnh, thiếu nguồn kinh phí cho các công tác cần thiết về đo đạc đất đai và lập bản đồ, và có cảm giác là cán bộ

thiếu thời gian và kỹ năng mà có thể có khuynh hướng đòi hỏi những kích lệ đặc biệt để tiến triển công việc.

Việc giao đất được phân nhóm hạng là đất “rừng” thì ít rõ ràng hơn, một phần là do những chỗ chưa rõ về phân biệt rõ rệt giữa đất rừng phòng hộ và đất rừng sản xuất. Như đã nêu ở các phần trên, theo chủ trương thì **rừng phòng hộ** chỉ được phân bổ cho hộ theo hình thức khoán chứ không theo dạng cấp Sổ đỏ. Sự kiểm soát được nắm giữ trong các cơ quan quản lý nhà nước như Ban quản lý rừng cấp tiểu khu (thuộc FDS-D) hoặc các Lâm trường nhà nước cấp huyện.

Hiện thiếu một sự chuẩn hoá trong việc phân nhóm cho những vùng đất rừng tiềm năng khác có độ dốc trên 10°. Xu hướng dường như là việc phân nhóm này có liên quan đến sự sử dụng đất hiện tại hơn là liên quan đến các đặc tính lý sinh mà theo đó thì thường thì đất này sẽ được phân nhóm là rừng **sản xuất**. Ở hầu hết các xã nó được phân loại là “đất chưa sử dụng”, và thường là những vùng rộng lớn hơn nhiều so với đất thuộc nhóm “rừng”. Trên thực tế, phần lớn hoặc hầu hết đất như vậy đều nặng về sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau bao gồm cả trồng trọt và chăn thả, và có một sự hiểu biết chức năng rõ ràng trong những người sử dụng về cái “ai sở hữu cái gì”. Tuy nhiên, có lẽ vì sự sử dụng đó nhất thiết được cho là bất hợp pháp và không theo đúng với các quy hoạch sử dụng đất hiện tại hoặc theo dự tính, nên thuật ngữ “chưa sử dụng” được dùng đến. Bối cảnh này là không thoả đáng về mặt xã hội và về mặt sinh thái vì nó không cho được một phạm vi để điều tiết sự sử dụng như thế và mặt nhiên cho phép những sự sử dụng không phù hợp được tồn tại và mang khả năng tiềm tàng về sự xói lở bởi thiên tai và sự tổn thất tiềm năng sinh lợi.

FLUPLA từ trường hợp đến trường hợp

Phương pháp hiện hành cho FLA dường như là mang tính chủ quan và “đi từ trường hợp đến trường hợp”, mà không xét đến các vấn đề về tính công bằng hoặc xoá đói giảm nghèo. Điều này có nghĩa là: nhìn chung thì những hộ nào có nguồn lực về tín dụng và lao động đều có nhiều khả năng nhận đất hơn. Nó mâu thuẫn với mục tiêu về sự trọng tâm vào hộ nghèo của RUDEP.

Một phương án thay thế cho cách làm “từ trường hợp đến trường hợp” là phương pháp tiếp cận có hệ thống “từ xã đến xã” ở đó mọi đất rừng sẵn có trong xã sẽ được phân bổ trong một hoặc một chuỗi các động tác FLUPLA toàn diện tại cấp thôn hoặc xóm. Cách làm này sẽ công bằng hơn (nhưng cũng có ngoại lệ như trình bày ở phần dưới) và đã được áp dụng một cách rộng rãi và thành công tại nhiều tỉnh phía bắc.

Khía cạnh ngoại lệ trong sự phân bổ đất công bằng ở cách làm “từ xã đến xã” là ở chỗ các diện tích đất giao được điều chỉnh theo nguồn lao động sẵn có trong hộ gia đình, có nghĩa là hộ nghèo có người già cả hoặc yếu đuối thì nhận ít đất hơn. Cách tiếp cận này đã được các dự án đầu tư lâm nghiệp áp dụng để phát triển các vùng trồng cây phục vụ cho mục đích thương mại, ví dụ các dự án KfW 1-3 tại các tỉnh phía bắc. Dự án Hỗ trợ Lâm nghiệp Xã hội (SFDP) sắp đến của WB chỉ để loại trừ những đối tượng hộ nghèo và hộ yếu, vì thế dự án này thích cách tiếp cận ‘từ trường hợp đến trường hợp’ hơn và có vẻ như sẽ thúc đẩy cách tiếp cận này. Lưu ý rằng điều kiện để cấp sổ đỏ là đất phải được đưa vào sử dụng có hiệu quả hoặc nguy cơ rủi ro được loại bỏ.

Các hàm ý của những ảnh hưởng từ các dự án khác (xem Phụ lục 6)

Dự án SFDP của WB và Dự án KfW song song sẽ tạo sức đẩy mạnh mẽ để đẩy mạnh hơn nữa việc giao đất lâm nghiệp (FLA) vì sự nắm giữ Sổ đỏ là điều kiện tiên quyết để tiếp cận vốn vay từ cả hai dự án này.

Để tạo điều kiện cho FLA được đẩy mạnh, SFDP sẽ hỗ trợ các khoá tập huấn và hội thảo lập kế hoạch tức thời nhằm xác định các hướng dẫn và thủ tục chuẩn hoá, giản đơn

và minh bạch cho FLA (chú ý rằng LUP không được định rõ như một bước đi trước, là điều phù hợp với chủ trương của Tỉnh). SFDP cũng sẽ nhanh chóng giới thiệu phương tiện GPS để đẩy nhanh công tác lập bản đồ cho các ranh giới và cấp Sổ đỏ. Dĩ nhiên, vấn đề còn lại là chính xác thì khi nào SFDP sẽ bắt đầu, và sẽ mất bao lâu để huy động các hoạt động này.

Mặc dù RUDEP có lẽ là không thể tác động lên định hướng thương mại của SFDP, song nó có thể tác động lên các kết quả của các hội thảo và các khoá tập huấn FLUPLA ban đầu theo hướng đảm bảo rằng sự dự phòng cho cách tiếp cận “từ xã đến xã” vẫn còn có thể được, và rằng sẽ có một định hướng rõ ràng đối với một phương pháp có sự tham gia một cách đầy đủ (vốn được WB xem là điều cốt yếu, nhưng khó mà được Tỉnh thậm chí xét là cần thiết).

Có lẽ RUDEP thiếu nguồn lực hoặc sức người đầy đủ để có thể ảnh hưởng một cách đáng kể lên khuynh hướng chung về FLUPLA ‘từ trường hợp đến trường hợp’ tại các xã nơi các dự án được tài trợ dồi dào sẽ hoạt động. Trong thời gian hiện tại, RUDEP nên trọng tâm vào sự tiến triển đều đặn trên một quy mô nhỏ thông qua việc ảnh hưởng lên các trường hợp riêng lẻ trong các hồ sơ xin giao đất cụ thể ở các xã Chương trình.

Ở phạm vi các xã Chương trình, RUDEP có thể hoạt động khác với các dự án khác vì nó là một dự án tài trợ không hoàn lại và, vì vậy, nó có sự linh hoạt trong việc phát triển các đường lối riêng của mình trong việc làm thế nào hỗ trợ tốt nhất đối với việc xoá nghèo cho hộ nghèo. RUDEP đang trong một vị thế cung cấp sự hỗ trợ trực tiếp bằng tín dụng hoặc tài trợ không hoàn lại hoặc cả hai cho hộ nghèo, giúp họ thực hiện các đầu tư cần thiết để phát triển đất rừng và qua đó trở thành được quyền nhận giao đất. Vì vậy, cách tiếp cận “từ xã đến xã” vừa khả thi vừa được mong muốn do nó công bằng hơn và nó thể hiện tiềm năng về ưu tiên cho người nghèo.

Vài ý tưởng về khả năng tiếp cận phối hợp để tập huấn về FLUPLA đã được đưa ra. Dự án WB được dự tính nói trên sẽ cung cấp hoạt động tập huấn trên một quy mô rộng lớn. Một khi dự án này bắt đầu, RUDEP có thể sắp xếp và hỗ trợ cho sự tham gia của nhân sự từ các xã Chương trình vào các khoá huấn luyện do các cơ quan Tỉnh tổ chức. Tuy nhiên, nhóm chuyên gia công tác đợt này không thể xác định được khi nào thì dự án WB có thể bắt đầu, ngoài một thông tin tham khảo mơ hồ là đến “năm 2005”. Chúng tôi nghĩ rằng, cho dù dự án này có bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2005, thì những chậm trễ thông thường trong khâu thiết đặt tổ chức và nhân sự cho một dự án mới sẽ có nghĩa là khó có thể tổ chức được ngay trong năm đầu cho những vấn đề như đội ngũ giảng viên và chương trình nội dung huấn luyện. Vì vậy, do RUDEP mong muốn thực hiện một sự khởi đầu sớm hơn, nó sẽ phải lập kế hoạch cho việc khởi xướng chương trình tập huấn riêng của mình về FLUPLA tại một xã thí điểm thuộc Chương trình. Với vài kinh nghiệm có được, RUDEP có thể tận dụng các cơ hội lồng ghép các nội dung về FLUPLA vào trong chương trình tập huấn Lập kế hoạch thôn của mình khi RUDEP mở rộng vào các xã mới trong tương lai.

Chúng tôi đã so sánh danh mục các xã mà SFDP dự định bắt đầu các hoạt động trong năm đầu tiên của mình, với các xã mà RUDEP hiện đang hoạt động cũng như dự kiến bắt đầu hoạt động trong năm 2005 (xem Bảng 2). Đến nay thì không có những trùng lặp tức thời trong số các xã mục tiêu này. Tuy nhiên cần lưu ý rằng vẫn có tiềm tàng về sự trùng lặp trong tương lai, trong một hoặc hai năm đến, rằng SFDP của WB có thể bắt đầu hoạt động tại các xã chương trình của RUDEP, hoặc ngược lại.

Bảng 2: Các mâu thuẫn tiềm tàng?: Các xã RUDEP & các xã năm đầu của SFDP

Các huyện thuộc SFDP (tại Quảng Ngãi)	Các xã Năm đầu tiên (2005(?))	Các xã thuộc RUDEP đến năm 2005
Ba Tơ	Ba Dinh	Ba Nam Ba Lễ
Sơn Tịnh	Tịnh Đông Tịnh Giang	Tịnh Thọ
Mộ Đức	Đức Lân Đức Tân	Đức Phong
Trà Bồng	Trà Bù	Trà Hiệp Trà Lâm

Nguồn: Tài liệu SFDP dự thảo, 03/2003; Ban Quản Lý RUDEP, 09/ 2004.

Vì vậy, RUDEP nên thường xuyên theo dõi tiến độ của dự án SFDP thuộc WB. 2 dự án nên phối hợp trong việc lựa chọn các xã tham gia dự án vào mỗi năm; và RUDEP nên xem xét trước việc Chương trình sẽ áp dụng theo chủ trương nào; (1) đương đầu với việc thực hiện FLA “từ trường hợp đến trường hợp” của SFDP với việc đề xuất một sự hỗ trợ phối hợp nhằm đảm bảo hộ nghèo được tạo điều kiện để cạnh tranh trên một quan hệ bình đẳng và qua đó nhận được một phần phân bổ đất công bằng, *hoặc* (2) tránh sự đương đầu này bằng cách tránh mở rộng Chương trình vào các xã nơi SFDP sẽ hoạt động.

Lợi điểm của phương án (1) là sẽ tăng thêm nhiều cơ hội cho hộ nghèo thành công trong việc có được một phần chia từ sự phân bổ đất rừng chỉ một lần. Song điều này sẽ đòi hỏi một sự chú trọng đáng kể của lãnh đạo và chuyên gia cao cấp của RUDEP và một lượng kinh phí tiềm tàng tương đối lớn để tài trợ hộ nghèo đưa đất được phân bổ vào sử dụng hiệu quả.

2.5 Các khía cạnh tích cực của hoàn cảnh hiện thời

Đoàn chuyên gia công tác đã phát hiện được những dấu hiệu tích cực mà có thể kỳ vọng được một tiến độ nhanh chóng hợp lý theo như đề nghị cho FLUPLA có sự tham gia tại Quảng Ngãi:

1. Mọi cơ quan (kể cả Sở Kế hoạch và Đầu tư) và UBND huyện đều cho chúng tôi được biết rằng chủ trương của Tỉnh là đất rừng lâm nghiệp nên được phân bổ cho hộ càng nhanh chóng càng tốt, và sử dụng chủ yếu là các phương pháp có sự tham gia. Song cần lưu ý cảnh báo ở đây là: không phải cơ quan nào cũng đều có sự hiểu biết rõ ràng về ý nghĩa trọn vẹn và các hàm ý đầy đủ của cụm từ “có sự tham gia”.
2. Đã có Quy hoạch tổng thể đất lâm nghiệp, và các Bản đồ quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp cấp huyện đang được tiến hành. Có một sự nhận thức chung về các khái niệm của Quy hoạch sử dụng đất (LUP) và cách tiếp cận có sự tham gia đối với Giao đất lâm nghiệp (FLA) giữa các lãnh đạo xã, huyện và trong các nông hộ.
3. Phần lớn nông hộ và nhiều cán bộ đã sẵn sàng khởi sự FLA ngay khi chủ trương và các vướng mắc thực tiễn hiện thời được giải tỏa.
4. Các ban ngành chính đều biết đến các ưu điểm của công nghệ GPS và GIS và Bản đồ kỹ thuật số cơ sở (“VN2000”) đối với việc gia tăng tốc độ và tính chuẩn

xác của FLA, đồng thời giảm thiểu được chi phí. Vài cơ quan đã bắt đầu thực hiện huấn luyện cho cán bộ thực địa.

5. Ở vài xã, đất ‘rừng’ và đất trồng đều đang được phân bổ cho hộ gia đình (vd, Bình Minh, Tịnh Thọ và Hành Phước). Vài xã bày tỏ với RUDEP rằng họ muốn thực hiện các hoạt động LUPLA song cần có sự hỗ trợ về kinh phí và tập huấn từ RUDEP.
6. Tỉnh đã có Bản đồ quy hoạch tổng thể về sử dụng đất ở tuyến tỉnh. Ở tuyến huyện thì 6 huyện đã có dự thảo Bản đồ quy hoạch tổng thể và 2 huyện đang trong quá trình lập quy hoạch tổng thể. Sở Tài nguyên và Môi trường (DNRE) dự tính hỗ trợ các huyện còn lại (6) để thực hiện các Bản đồ quy hoạch tổng thể về sử dụng đất và sau đó là hỗ trợ việc dự thảo các Bản đồ quy hoạch tổng thể tuyến xã (180) song khó khăn là ở chỗ thiếu kinh phí. RUDEP đã được đề nghị hỗ trợ trong việc dự thảo các Bản đồ quy hoạch tổng thể sử dụng đất tuyến xã (10 năm).
7. RUDEP đã có tập huấn cho các hướng dẫn viên cấp thôn tại các xã Chương trình về cách sử dụng các công cụ PRA cho việc lập kế hoạch thôn, có nghĩa là số người này đã được trang bị mặt kiến thức này trong các kỹ năng FLUPLA.

2.6 Các lĩnh vực vấn đề

Có một số vấn đề trở ngại hiện không giải quyết được hoặc thiếu nguồn lực và/hoặc công nghệ thoả đáng để giải quyết, hoặc bị trì hoãn vì thiếu một giải pháp quản lý.

1. Việc ổn định đất “không sử dụng” đòi hỏi nhiều đầu tư vào hệ thống kỹ thuật canh tác bền vững trên đất dốc (SALT) để điều tiết và tạo sự bền vững trên những vùng rộng lớn hiện nay đang canh tác những loại cây nông nghiệp hàng năm như cây mì và cây mía. Khó mà hình dung được rằng những vùng rộng lớn đã được trồng trọt này sẽ được đưa trở lại thành những vùng phủ cây lâu năm, cho dù là cây rừng hoặc cây lưu niên như cao su, cây ăn quả, hoặc chè.
2. Hiện có 6000 ha rừng trồng (trên những vùng phân tán nhỏ không đều) mà trước đây được thành lập nhằm lần trên những vùng đất được phân loại một cách đúng đắn là dành cho nông nghiệp. Công việc đã được thực hiện bởi các Lâm trường nhà nước sử dụng vốn từ các Chương trình 327 và 661 do Trung ương cấp. Người dân địa phương nay muốn đưa đất trở lại làm nông nghiệp. Các bên liên quan cũng nhất trí rằng số đất này nên đưa trở lại làm đất nông nghiệp. Các vấn đề chưa giải quyết được là:
 - a. Làm thế nào để xử lý những vụ cây trồng vẫn còn trên đất?
 - b. Làm thế nào để điều chỉnh những vùng rừng trồng và số cây trồng đã được báo cáo, theo số liệu thống kê cấp tỉnh và quốc gia?
 - c. Cấp nào có thể ra quyết định giảm số giá trị tài sản này.
3. Việc chuyển đổi cây trồng vẫn được thực hiện rộng rãi và đang trở thành không bền vững do sự thu hẹp của những vùng đất sẵn có cho những thời kỳ bỏ không cần thiết để duy trì độ phì của đất. Các cộng đồng người dân tộc ít người nắm giữ đất không phải trên bình diện cá nhân mà là trên bình diện cộng đồng. Hiện nay hình thức sở hữu đất như thế này không được công nhận trong Luật đất đai và nó hiện đang được rà soát. Giải quyết vấn đề này không phải là một nội dung bắt buộc của chúng ta, nhưng chúng tôi muốn cảnh báo với RUDEP rằng việc này đang ngày càng là một vấn đề nhạy cảm và thậm chí là vấn đề quan trọng ở những Xã miền núi với đa số dân là người dân tộc thiểu số.

3 RUDEP có thể làm thế nào để hỗ trợ FLUPLA

Đầu tiên và trước hết, RUDEP cần tiến hành một số hoạt động theo hướng tạo ra một **môi trường tích cực** và **nâng cao năng lực** trong Tỉnh để mang lại thuận lợi cho sự tiếp cận có sự tham gia đối với FLUPLA, nhất là sự tham gia của hộ nghèo, và khuyến khích phương pháp ‘từ xã đến xã’. Điều này được thực hiện một cách tốt nhất bằng cách xây dựng các mối quan hệ tốt với các cơ quan, đơn vị liên quan có cùng quan tâm. Các mối quan hệ tốt cần được duy trì thông qua việc thường xuyên và tích cực trao đổi thông tin, quan điểm hai chiều. Khi có thể, tìm kiếm cơ hội hỗ trợ cho các cơ quan/ đơn vị về những nhu cầu (bắt đầu từ quy mô nhỏ) mà đầu đó không thể giải quyết được do những cứng nhắc về định chế hoặc vì thiếu kinh phí.

Các đoạn sau mô tả các giải pháp can thiệp dành cho RUDEP liên quan đến FLUPLA.

3.1 Xây dựng một môi trường tích cực thông qua việc gia tăng đối thoại với và giữa các cơ quan/ đơn vị có liên quan đến ngành lâm nghiệp

Từ các Chương và các Phần đề cập ở trên, được thấy rằng quá trình phát triển lâm nghiệp là một quy trình phức tạp bao gồm đến sự liên quan tham gia của nhiều cơ quan, đơn vị khác nhau. FLUPLA là một phần quan trọng nhưng là một khâu nhỏ trong toàn quy trình. Các chính sách liên quan đến lâm nghiệp đang trong quá trình rà soát liên tục tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, với nhiều văn bản quyết định được ban hành và giao đến các tỉnh vài tháng một lần. Ở Quảng Ngãi, đoàn Chuyên gia công tác được Phó giám đốc DPI cho biết rằng một nhóm công tác về FLA vừa mới được thành lập dưới DNRE để đẩy nhanh việc giải quyết các vướng mắc. RUDEP cần triển khai và duy trì các mối quan hệ làm việc tích cực với các cơ quan có liên quan, và cố gắng đảm bảo luôn có sự thông tin giao tiếp hai chiều với các cơ quan này.

Một số đề nghị cụ thể hơn là:

1. Hỗ trợ thiết lập các mối quan hệ liên kết giữa Tỉnh và Chương trình hợp tác hỗ trợ ngành Lâm nghiệp (FSSPP). Khi có điều kiện, hỗ trợ Tỉnh tham gia vào các hội thảo của FSSPP về chủ trương và hoạch định FLUPLA. FSSPP có một bộ tham khảo hoàn chỉnh về các luật, quyết định và nghị định có liên quan được tập hợp trên một đĩa CD-ROM bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Địa chỉ liên hệ: Tiến sĩ Vũ Văn Me, Phó Giám đốc Chương trình. Phòng 101, Toà nhà A9, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hà Nội. Điện thoại: 733 7913; e-mail 5MHPart@hn.vnn.vn
2. Đề xuất gửi một đoàn làm việc đến Nhóm công tác FLA của DNRE. Khởi xướng và hỗ trợ DNRE sắp xếp các cuộc họp địa phương về một Chủ đề thực hiện FSSPP tại tỉnh nhà. Các cuộc họp này sẽ bao gồm các cơ quan, đơn vị hữu quan, các dự án JBIC và ADP hiện thời đã được biết, và các dự án được hỗ trợ từ KfW và SFDP thuộc WB được dự tính sẽ bắt đầu các hoạt động thực địa trong năm 2005.
3. Tăng cường đối thoại với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh sau trên quan điểm xây dựng một chương trình hợp tác cho sự tham gia tích cực của các đơn vị này với RUDEP về FLUPLA và CBFM. Đề nghị cử một cán bộ đầu mối liên lạc (đối với cơ quan chưa cử cán bộ đầu mối tiếp xúc với RUDEP).

Sở Tài nguyên và Môi trường (DNRE):

- a. Phòng quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất

- b. Phòng đăng ký đất đai và cấp Giấy chứng nhận sử dụng đất
- c. Trung tâm Đo đạc và Địa chính.
- d. Trung tâm Bản đồ và Lưu trữ.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (DARD):

- e. Chi cục Phát triển lâm nghiệp.
- f. Trung tâm tư vấn nông lâm (đơn vị dịch vụ thuộc Sở) về các vấn đề Phân loại Rừng & Quỹ Rừng.
- g. Ban quản lý dự án đầu tư nông lâm nghiệp
- h. Các Ban quản lý rừng có các Tiểu khu rừng phòng hộ tại các xã RUDEP

Chi cục Kiểm lâm (FPD):

- i. Các hạt kiểm lâm tại các huyện RUDEP
4. Thúc đẩy việc nâng cao năng lực và đổi mới quan điểm thông qua các chuyến tham quan học hỏi đến một tỉnh phía Bắc như Cao Bằng nơi có nhiều thành tựu trong công tác FLUPLA bằng phương pháp ‘từ xã đến xã’.

3.2 Phân tích các nhu cầu FLUPLA và các chi phí của các phương án can thiệp về FLUPLA tại các xã Chương trình, và tìm kiếm sự phê duyệt về kinh phí tài trợ.

Mức độ đạt được hiện nay về giao đất lâm nghiệp (FLA) tại các xã có sự chênh lệch rất lớn, từ 0% (Sơn Hải) đến 100% (Bình Minh, đối với đất rừng sản xuất). Dựa trên các Hồ sơ thông tin xã tại các xã RUDEP hiện thời, có thể có rất ít nhu cầu về sự hỗ trợ trong công tác FLUPLA đối với những xã nơi xét về tỉ lệ tương xứng thì có rất ít đất rừng tiềm năng hoặc đất rừng thực tế, hoặc nơi FLA đã hoàn toàn hoàn tất hay đang trong quá trình tích cực hoàn tất.

Đoàn chuyên gia công tác lần này đã không có đủ quỹ thời gian để thu thập và phân tích các thông tin đối với các xã mới thuộc RUDEP. Đây nên là công việc đầu tiên để RUDEP ở trong một vị thế có thể ước tính thời gian và chi phí cho nơi vẫn còn có nhu cầu cần được hỗ trợ và nơi sự tham gia can thiệp vẫn còn là khả dĩ cho các kết quả tích cực thuận lợi cho hộ nghèo.

Phụ thuộc vào kết quả của sự phân tích này, RUDEP có thể thực hiện các phân tích về các hàm ý chi phí cho một loạt các phương án hỗ trợ. Điều này sẽ giúp tạo ra một giải pháp lựa chọn cụ thể cho việc RUDEP hỗ trợ hộ nghèo đầu tư vào phát triển đất rừng. Bản tính mẫu tại Phụ lục 7 cung cấp một công cụ để giúp cho công việc phân tích này.

Với kết quả phân tích này dùng làm tài liệu hỗ trợ, lập các đề xuất gửi lên Ban điều phối Chương trình và Cuộc họp Sơ kết giữa kỳ để đảm bảo đủ nguồn kinh phí tài trợ cho các phương án đã được lựa chọn.

3.3 Xin sự phê duyệt từ Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh về việc thực hiện một hoạt động FLUPLA thí điểm tại một xã “cũ” thuộc RUDEP, với việc sử dụng dự thảo các hướng dẫn về FLUPLA đối với QN

Sau khi thu thập thêm thông tin và kinh nghiệm, xây dựng một tờ trình về việc khởi xướng các xã RUDEP vào việc thực hiện FLUPLA. Dựa vào con số các cơ quan liên quan và độ phức tạp của các quy định và điều kiện, chúng tôi đề xuất rằng công việc ban đầu nên được giới hạn ở một xã, có thể là một xã thuộc miền núi mà có một diện tích đáng kể về đất rừng gồm hỗn hợp nhiều phân loại khác nhau. Điều này sẽ khuyến

khích sự tập trung vào phát triển kinh nghiệm và xác định ra các khía cạnh then chốt cần chú ý chi tiết hơn nữa, trước khi mở rộng ra xã khác. Đồng thời, việc lựa chọn ra một xã “cũ” để khởi đầu có thể có ưu điểm về việc sẵn có một số người dân là các hướng dẫn viên cấp thôn, là những người vốn đã qua tập huấn và có vài kinh nghiệm về PRA, có hiểu biết các công việc của RUDEP, và có thể sẽ có khả năng tiếp thu tốt các tập huấn về FLUPLA.

Tờ trình trên nên được gửi kèm với bản Dự thảo quy định hướng dẫn về FLUPLA, là tài liệu được rút tĩa từ các Quy định hướng dẫn đã được triển khai cho các Tỉnh khác (tác giả đang sẵn có).

3.4 Rà soát lại các bước hướng dẫn về PPP theo hướng lồng ghép FLUPLA

RUDEP đã xây dựng một trình tự các bước về quy trình lập kế hoạch có sự tham gia và điều này sẽ giúp cho Chương trình lồng ghép FLUPLA như một nội dung trong toàn quy trình. Trình bày dưới đây là tổng hợp vắn tắt trình tự các bước hiện nay của quy trình, kèm theo các ghi chú tham khảo ở các bước then chốt ở đó có thể lồng ghép LUPLA:

10 Bước để soạn thảo các Kế hoạch trên phạm vi toàn xã và các Kế hoạch trên phạm vi Nhóm hoạt động hộ gia đình về các hoạt động RUDEP

Các dòng in đậm là chỗ thể hiện nơi có thể lồng ghép LUPLA

1. PRA và Phân tích các dữ liệu PRA

Đưa vấn đề đất rừng và đất “chưa sử dụng” vào trong đánh giá PRA.

(đầu ra = Báo cáo PRA của xã)

2. Tập huấn kỹ năng dẫn dắt hoạt động cho DDO (2 ngày)

Thêm các khái niệm chính về LUP và các tiêu chí về phân loại đất lâm nghiệp.

(đầu ra = các DDO được tập huấn về kỹ năng dẫn dắt và phương pháp tiếp cận về lập kế hoạch RUDEP)

3. Tập huấn hướng dẫn viên cấp thôn (mỗi xã một ngày)

Thêm các khái niệm chính về LUP và các tiêu chí về phân loại đất lâm nghiệp.

(tập huấn hướng dẫn viên thôn cộng với thảo luận về các kết quả PRA cộng với việc tiến hành cuộc họp lập kế hoạch thôn ví dụ)

(đầu ra = Nhóm tiếp xúc xã/ trưởng thôn/ đại diện đoàn thể/ trưởng xóm được tập huấn)

4. Chiến dịch truyền thông

Lồng nội dung FLA có sự tham gia vào gói thông tin.

(đầu ra = người dân ở thôn biết đến thời gian và mục tiêu của các cuộc họp lập kế hoạch thôn)

5. Các cuộc họp lập kế hoạch thôn (1/2 ngày)

Lồng nội dung FLUPLA vào chương trình cuộc họp và lịch trình hoạt động.

(đầu ra = danh mục các hoạt động)

6. Cuộc họp chuẩn bị kế hoạch lên cấp xã (1/2 ngày)

Lồng nội dung FLUPLA vào chương trình cuộc họp và lịch trình hoạt động.

(thành phần tham gia: Nhóm tiếp xúc xã + trưởng thôn + đại diện đoàn thể + Nhóm tiếp xúc huyện + RUDEP)

(đầu ra = Kế hoạch xã cho các hoạt động RUDEP, trong đó, “**thực hiện FLUPLA**” là một nội dung trong kế hoạch)

Điểm mới: Huy động đội ngũ FLUPLA của huyện và thực hiện FLUPLA có sự tham gia tại xã. Việc này có thể trải dài trên một quãng thời gian cần thiết, thường là 1 đến 2 tuần/ xã phụ thuộc vào diện tích đất lâm nghiệp có liên quan.

(đầu ra: Các đơn xin cấp Giấy chứng nhận sử dụng đất có các chữ ký cần thiết được gửi đến Ủy ban nhân dân huyện để phê duyệt và cấp sổ đỏ.)

7. Kế hoạch RUDEP được DPC và PPC phê duyệt

(đầu ra = DPC và PPC phê duyệt kế hoạch RUDEP)

8. Cuộc họp phản hồi về xã

(RUDEP thông tin kế hoạch đã được phê duyệt với Nhóm tiếp xúc xã và các trưởng thôn)

(đầu ra = Thuyết trình và thảo luận về kế hoạch xã và các phần kinh phí)

9. Các cuộc họp phản hồi về thôn

(do CCG và các trưởng thôn tổ chức và trình bày nội dung cùng với sự tham dự của DDO)

(đầu ra = Trình bày và thảo luận về kế hoạch ở phạm vi thôn và kinh phí)

(đầu ra = Thành lập các Nhóm hoạt động và **Ban CBFM**)

10. Các cuộc họp của các Nhóm hoạt động/Nhóm VSCF/nhóm hỗ trợ đời sống/CBFM

(đầu ra = Các kế hoạch hàng năm của nhóm)

3.5 Nâng cao năng lực thông qua việc hỗ trợ các cơ quan liên quan đánh giá các nhu cầu đào tạo và tổ chức đào tạo

1. Chi cục Kiểm lâm bày tỏ với đoàn chuyên gia công tác về mong muốn RUDEP hỗ trợ về đào tạo hoặc bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở của Chi cục để giúp các xã và

- các thôn thực hiện công tác FLUPLA có sự tham gia và quản lý rừng dựa vào cộng đồng (CBFM). Chúng tôi đề nghị rằng yêu cầu này cần được hỗ trợ. Có một nguồn tiềm năng về đào tạo năng lực là Trung tâm lâm nghiệp xã hội thuộc Trường đại học Huế.
2. RUDEP cũng nên hỏi thăm các cơ quan có liên quan khác liệu việc tham gia vào công tác FLUPLA của họ có bị hạn chế do thiếu kỹ năng không, và có sự đáp ứng tương tự.
 3. Việc duy trì một quan hệ đối thoại tích cực với các dự án có liên quan đến lâm nghiệp khác cũng quan trọng không kém, có thể là thông qua Ban quản lý các dự án nông lâm thuộc Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, nhằm phối hợp với các chương trình tập huấn do các cơ quan khác hỗ trợ. Việc này bao gồm đối thoại về nội dung và định hướng, nhằm đảm bảo có đưa vào các phương pháp mà ‘người nghèo có thể tiếp cận được’.
 4. Ở đây cần lưu ý đến các ưu điểm của việc áp dụng cách tiếp cận “tập huấn tập huấn viên” (TOT); nghĩa là bước đầu tiên trong công việc đào tạo tập huấn là để xây dựng năng lực *trong bản thân của đơn vị* đề tự mình tập huấn cho các cấp thấp hơn. Nói chung đây là cách hiệu quả nhất theo hướng nhanh chóng nhân rộng qua đó tăng cao hiệu quả đào tạo tập huấn.
 5. Cuối cùng, phương pháp *học thông qua hành* là cách nên làm vì, một là nó cho phép công việc có thể bắt đầu được thực hiện trong thời gian sớm nhất và có kết quả cụ thể hầu như tức thì; hai là phương pháp này giúp đảm bảo rằng các kỹ năng và kiến thức vừa được củng cố vững chắc bằng kinh nghiệm thực tiễn vừa vẫn đảm bảo tính mới mẻ.

3.6 Phát triển các hoạt động hỗ trợ tiềm tàng

1. Phát triển các vườn ươm do nông hộ điều hành cấp thôn/ xóm để phát huy tính chủ động ở địa phương và tạo thu nhập (xem Phụ lục 5). Trung tâm khuyến nông tỉnh đã cố gắng phát triển ý tưởng này trong vài năm qua, và mong muốn đề nghị sự hợp tác của RUDEP triển khai vào thực tế một chương trình về Phát triển vườn ươm cấp thôn/ xóm.
2. Cung cấp cho các cơ quan liên quan các phần mềm và phần cứng cần thiết khi có yêu cầu để giúp cho công tác FLUPLA và CBFM (vd, thiết bị GPS và phần mềm giải đoán ảnh vệ tinh).
3. Phối hợp với đơn vị và các dự án khác về tập huấn GPS/GIS, và bổ sung khi cần. Nguồn cung cấp tập huấn tốt là FIPI tại Hà Nội.
4. Xem xét cùng làm việc và thông qua VBARD để cung cấp tín dụng hoặc bao cấp cho các rừng trồng của hộ nghèo, theo các dòng ngân sách đã được các dự án WB và KfW lập kế hoạch.
5. Tính đến một chương trình các thử nghiệm về nông lâm kết hợp. Kế hoạch dự án WB bao gồm một loạt các mô hình phác thảo hoàn chỉnh về kỹ thuật (Phụ lục 12 của Báo cáo chuẩn bị phác thảo dự án, tháng 3 năm 2003). Những thử nghiệm này thích hợp cho RUDEP ứng dụng như là khởi điểm để bắt đầu các thử nghiệm với nông hộ ngay cả trước khi dự án WB bắt đầu. Phối hợp với dự án WB (khi dự án này hoạt động) về các thử nghiệm nông nghiệp và các hoạt động trình diễn của các mô hình nông lâm thích hợp.
6. Xem xét xúc tiến các nhóm hoạt động quy mô nhỏ, sơ chế các sản phẩm từ cây trồng ở cấp xã để tăng giá trị gia tăng. Đặc biệt, nghiền lát các khúc gỗ nguyên liệu giấy sẽ làm tăng % chi phí biến đổi và giảm chi phí vận chuyển đơn vị.

Việc này có thể bắt đầu tại các xã thuộc RUDEP nơi đã sẵn có các rừng trồng cây nguyên liệu của người dân và các rừng trồng này đang sắp đến giai đoạn thu hoạch.

4 Đầu ra của cuộc họp thông tin

Một cuộc họp thông tin đã được tổ chức vào ngày cuối cùng của đợt công tác. Thành phần tham gia cuộc họp là các đại diện từ các cơ quan có liên quan, và các nhân viên thuộc DUDEP.

Chuyên gia tư vấn đã thuyết trình sơ lược về kinh nghiệm thực tế về công tác FLUPLA tại Cao Bằng, sau đó là phần giải thích cụ thể về các khuyến nghị chính được đề xuất đối với Quảng Ngãi như nội dung trình bày ở Phần 3 nói trên.

Các đại biểu tham gia họp nhìn chung đã nhất trí với các nội dung đề xuất.

Ông Hùng và Bà Hoà (Phó Giám đốc của DPI) cũng như các đại biểu khác đặc biệt ủng hộ đề nghị thí điểm phương pháp có sự tham gia và các nội dung hướng dẫn mới tại một xã thí điểm thuộc RUDEP.

Ông Hùng cho biết rằng Tỉnh có 344.000 ha đất lâm nghiệp phải được giao, và chỉ tiêu giao đất lâm nghiệp trong năm 2004 là 50 đến 60.000 ha. Kinh phí đã được cung cấp cho công việc này. Chính phủ trung ương đã chỉ đạo rằng phần còn lại (khoảng 290.000 ha - giả định là chỉ tiêu cho năm 2004 được hoàn thành) cần phải được giao xong vào cuối năm 2005 hoặc đầu năm 2006. Ông Hùng quan ngại rằng cách tiếp cận ‘có sự tham gia’ sẽ kéo dài thời gian lâu hơn so với cách tiếp cận ‘từ trước đến nay’ của tỉnh. Ông ta đề nghị giải pháp là cần nghiên cứu các hướng dẫn và phương pháp được áp dụng hiện nay để tìm xem việc thiếu cách tiếp cận có sự tham gia sẽ làm giảm chất lượng ra làm sao và cố gắng tìm ra cách vận dụng hướng dẫn để giải quyết vấn đề.

Theo Bà Hoà cho biết thì Tỉnh thừa nhận rằng công tác giao đất lâm nghiệp (FLA) hiện đang tiến triển rất chậm, và muốn tìm nguyên nhân do đâu. Tỉnh đã thành lập một Tổ công tác có nhiệm vụ kiểm tra thực tế để tìm hiểu nguyên nhân của sự tiến triển chậm chạp và tìm giải pháp khắc phục, và dự kiến sẽ tổ chức một hội nghị để báo cáo các kết quả phát hiện. Bà Hoà đề nghị các đại biểu tham gia họp chỉ ra các sự khác biệt chính giữa cách làm hiện thời và cách làm có sự tham gia nhiều hơn hiện đang được tán thành. Đặc biệt bà Hoà muốn biết cách tiếp cận mới có thể được đẩy nhanh ra sao giả sử thử nghiệm thí điểm là thành công. Chuyên gia thuyết trình đã giải thích vắn tắt về chiến lược TOT, là chiến lược sẽ thúc đẩy được khả năng thực hiện rất nhanh chóng một khi nó thực sự bắt đầu.

Quy hoạch sử dụng đất vẫn còn chưa hoàn tất cho 8 huyện và trên 180 xã, gồm toàn bộ các xã miền núi nơi có nhiều đất lâm nghiệp. Mọi người thừa nhận rằng trước khi giao đất lâm nghiệp (FLA) phải có quy hoạch sử dụng đất (LUP); giao đất mà không quy hoạch sử dụng đất thì sẽ không có hiệu quả. Nơi khởi đầu cho LUP có thể là khái lược về các chỉ tiêu tái trồng rừng đến tận cấp xã, được chứa đựng trong Quy hoạch đến năm 2010 của Chi cục kiểm lâm. Xã thí điểm sẽ kiểm nghiệm và trình diễn cách tiếp cận mới.

Chúng tôi kết luận rằng việc phát triển kế tiếp cho các kế hoạch và hướng dẫn thực hiện mới cho công tác FLUPLA tại Quảng Ngãi dự tính sẽ được thí điểm tại một xã RUDEP vào năm 2005, với sự hỗ trợ của các cơ quan, đơn vị có liên quan và qua đó sẽ có khả năng được Tỉnh nhiệt tình tiếp nhận khi kết quả được trình lên Ban điều phối chương trình và sau đó là lên Tỉnh.

5 Chi phí và lợi ích tiềm tàng trong công tác FLUPLA

5.1 Các lợi ích tiềm tàng

Sự cam kết của RUDEP có thể giúp định hướng lại sự thúc đẩy hiện thời theo hướng tăng tốc công tác FLA. Sự định hướng lại là cần thiết vì hiện nay các nhân vật chính đang thể hiện sự ít biết đến mọi chi tiết và hàm ý của cách tiếp cận có sự tham gia, và những Dự án dự định chính mà sẽ hỗ trợ đầu tư lớn vào tái sinh rừng (WB và KfW) lại không tính đến đối tượng hộ nghèo.

Lợi ích chính của sự cam kết tích cực từ RUDEP trong lĩnh vực FLUPLA cũng đảm bảo giúp các Hộ nghèo tiếp cận được một phần chia công bằng và hợp lý của cơ hội hiếm hoi về việc có được quyền sử dụng đất lâm nghiệp, và qua đó dành được phần chia trong một tài sản liên tục tạo ra thu nhập. Triển vọng về giảm nghèo đang bị thiếu vắng trong đối thoại hiện thời. RUDEP có thể hỗ trợ vào việc đảm bảo FLUPLA thực sự được thực hiện theo thể cách có sự tham gia trên thực tế chứ không chỉ theo tên gọi mà thôi. RUDEP có thể làm được việc này bằng cách tích cực tham gia vào đối thoại mà sẽ dẫn đến các quyết định then chốt của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh về các chính sách và thủ tục đối với FLUPLA. Đối thoại có thể được hậu thuẫn bằng ví dụ ở một xã thí điểm; và RUDEP có thể tài trợ kinh phí trực tiếp giúp hộ nghèo có nguồn vốn thực hiện đầu tư vào các rừng trồng vốn là điều kiện tiên quyết để được giao đất, đồng thời để được cấp sổ đỏ.

Một lợi ích nữa đó là việc gia tăng đối thoại và tương tác giữa các cơ quan chủ chốt sẽ tạo điều kiện cho việc ra quyết định. Công tác FLUPLA có thể được thúc đẩy tại các xã RUDEP thông qua các chi phí trực tiếp, và thông qua hoạt động đào tạo tập huấn và cung cấp trang thiết bị như các dụng cụ GPS.

5.2 Chi phí dự kiến

1. Nhân sự và đội ngũ tư vấn

Những chi phí đã được biết đến này có thể ước tính được ngay trong phạm vi dự án.

2. Nâng cao năng lực (các hoạt động đào tạo và tham quan học hỏi):

Tham quan học hỏi. Hợp phần này có thể ước tính trong nội bộ dựa trên kinh nghiệm vốn có.

Đào tạo về CBFM. Kinh nghiệm tại Cao bằng cho biết rằng một chương trình tập huấn TOT hiệu quả sẽ nằm trong khoảng 10.000 đô la Ôx-trây-liá cho khoảng chừng 3 đầu vào được phân bố trên 6 tháng để thực hiện tập huấn ban đầu, sau đó dẫn dắt cho cấp thứ nhì và cấp thứ ba trong TOT.

Đào tạo về FLUPLA và hướng dẫn. Sử dụng các cá nhân tập huấn viên đã có kinh nghiệm trong một chiến lược TOT tương tự có thể tạo ra các kỹ năng tại chỗ cho Tỉnh để nhân rộng việc tập huấn ra các xã mới trong tương lai. Chi phí cho TOT ban đầu có thể sẽ nằm trong khoảng 6000 đô la Ôx-trây-liá.

3. Tiến hành thực hiện LUP và LA trên thực địa

Công tác thực hiện FLUPLA thực tế sẽ phát sinh các chi phí trực tiếp cho mọi bên tham gia.

Việc huy động một đội ngũ cán bộ từ cấp Huyện sẽ bao gồm các phí tổn về phụ cấp dịch vụ trực tiếp (DSA) và phí tổn đi lại. Các đầu vào cần thiết là: Cặp bìa và giấy, bảng lật và giấy lớn. Về mặt này RUDEP vốn đã có một chính sách về chi phí. Tuy nhiên so với các hoạt động trước đây của RUDEP thì giai đoạn này có lẽ cần phải có một sự cam kết nhiều hơn nữa từ các Huyện. Trong hoàn cảnh ‘thiếu hụt kinh phí’ hiện thời ở nhiều cơ quan, RUDEP cần phản ánh rõ quan điểm là có muốn liên quan vào việc hỗ trợ các huyện về các chi phí trực tiếp cho công tác FLUPLA hay không, vì chúng tôi được cho biết lặp đi lặp lại rằng những chi phí đó là một vướng mắc hiện thời và có thực trong tiến trình để các cơ quan có thể thực hiện sự ưu tiên đã được biết đến trong công tác FLA.

Bên cạnh đó còn có một vấn đề về chi phí cơ hội đối với nông hộ. Người ta có thể lập luận rằng, tham gia vào FLUPLA là đầu tư cho một lợi nhuận đáng kể. Rất có thể là phần lớn các hộ có thể dễ dàng dành một hoặc hai thành viên làm trong vài ngày. Nhưng liệu hộ nghèo có làm được không? Việc tham gia một cách trực tiếp và bằng bản thân của họ sẽ là một yếu tố quan trọng để đảm bảo được giao đất. Chúng tôi cho rằng RUDEP nên xem xét một chính sách về cung cấp một “phụ cấp về chi phí cơ hội” cho những hộ loại này dựa trên các mức tiền công hàng ngày để giúp họ có tiền ăn. Việc tính toán hộ nghèo có thể không dựa toàn bộ vào hộ thuộc diện nghèo theo tiêu chí DOLISA mà sẽ phải được xác định dựa trên kinh nghiệm. Chi phí cho chủ trương này có thể được ước tính từ con số hộ nghèo mong muốn tham gia và định mức của ngày công, áp dụng cho đoạn thời gian thông thường là từ 2 đến 3 ngày cho công tác FLUPLA “từ xã đến xã”.

4. Hỗ trợ hộ nghèo đầu tư vào trồng rừng và/hoặc SALT

Cần có sự can thiệp tích cực để tạo thuận lợi cho việc gồm đối tượng hộ nghèo vào trong FLA, chủ yếu để cung cấp cho họ những nguồn lực cần thiết để hội đủ điều kiện cho việc cấp sổ đỏ hoặc cho việc nhận khoán. Điều này có thể là rất thiết yếu đối với hộ nghèo do thiếu lao động, chính bởi vì cần có lao động để đáp ứng điều kiện được giao đất sản xuất.

Mục tiêu xoá nghèo của RUDEP yêu cầu cần nghiêm túc xem xét làm thế nào cung cấp các hỗ trợ cần thiết một cách tốt nhất. Đề nghị nên sử dụng việc phân tích trên trình bảng tính để phân tích các phương án sau, dựa trên các số liệu đã được kiểm chứng về số hộ nghèo và số đất lâm nghiệp sẵn có để giao ở xã thí điểm được lựa chọn. Xem thêm Phụ lục ___ về ví dụ một dạng phân tích trên bảng tính.

Các vấn đề liên quan gồm:

- a. Việc sử dụng quỹ 661 thường chỉ hạn chế ở **rừng phòng hộ** mà thôi, và đảng nào thì quỹ này cũng chỉ là một lượng tiền hạn chế. Song hầu hết các Ban quản lý rừng (FMB) hàng năm đều có kinh phí từ quỹ 661. RUDEP nên thu thập danh sách các FMB liên quan cho những trường hợp cụ thể nơi có rừng phòng hộ, chẳng hạn cho xã FLUPLA thí điểm, vì quỹ 661 có thể, và là, quỹ bao cấp được trả bằng tiền mặt cho mọi hộ gia đình. Điều này có thể và nên gồm các hộ nghèo, nhưng nó có thể cần có một chủ trương tán thành tích cực để đảm bảo họ được gồm vào trên thực tế.
- b. Việc sử dụng tín dụng bán thương mại theo như đề xuất của dự án SFDP thuộc WB và dự án KfW thì hạn chế ở đất rừng sản xuất vì rừng phòng hộ có những hạn chế về sự quản lý thương mại của nó. **Rừng sản xuất** (thường là trong phân hạng đất ‘chưa sử dụng’) là nơi mà vốn tài trợ của

RUDEP sẽ được cần đến để đảm bảo có phần đất giao cho những hộ nghèo không có thừa lao động.

- c. Những lô đã được phân bổ của rừng sản xuất và rừng phòng hộ có thể sẽ cần ít nhất là những mức độ trồng cây nhất định để hội đủ điều kiện.
- d. Chi phí của công việc tái sinh rừng được chuẩn hoá theo các định mức của Chương trình 5 triệu hecta ở các mức sau đối với những các rừng trồng các giống cây công nghiệp ngắn ngày thông thường:
 - i. Chi phí đầu vào (cây con + phân bón) ở năm đầu: 1.7 triệu đồng/hecta.
 - ii. Chi phí được quy cho công lao động bỏ ra trong năm đầu để làm đất và trồng: 1,3 triệu đồng/ ha.

Đây là những chi phí không thể tránh khỏi đối với hộ nghèo. Những hộ trung bình có thể bù trừ chi phí lao động bằng việc sử dụng lao động có sẵn trong gia đình, nhưng hộ nghèo thiếu lao động sẽ cần phải thuê công cho việc đầu tư của họ. Có nghĩa là hộ nghèo thiếu lao động cần phải có 3 triệu đồng đầu tư cho mỗi ha trong năm đầu để hội đủ điều kiện được giao đất rừng. Đối với hộ nghèo nhưng sẵn có lao động, cũng vẫn cần phải có 1,7 triệu đồng để đầu tư các đầu vào trong năm đầu.

- e. Các chi phí cho những năm tiếp theo sẽ ít hơn nhiều và công lao động làm cỏ và chăm sóc cây trồng cũng sẽ ít hơn. Hộ nghèo có thể hoàn toàn đủ khả năng tự mình cán đáng mức độ đầu vào ở những năm này, *nhưng việc này phải được quyết tâm vì sự thành công của rừng trồng là phụ thuộc vào khâu này.*

6 Các phương án thực hiện

Các đề nghị về giải pháp động như được lược nêu ở trên, nếu được chấp nhận, sẽ là một lượng lớn công việc thêm vào tải trọng công việc được hình thành hiện nay đối với Ban Quản lý RUDEP. Vì vậy cũng cần xem xét công việc có thể được quản lý ra sao.

6.1 Các phương án về đội ngũ nhân sự

1. Phân phối công việc trong đội ngũ nhân viên hiện thời

Thuận lợi: Các khởi xướng về công tác FLUPLA chủ yếu được thiết kế theo cách lồng ghép vào với các hoạt động khác trong các chương trình hiện thời của chu kỳ lập kế hoạch và điều tốt nhất là chúng sẽ được thực hiện bởi cùng đội ngũ nhân sự ở chừng mức cao nhất.

Bất lợi: Nếu RUDEP quyết định đảm nhận việc hỗ trợ đối với FLUPLA theo như đã đề nghị, cơ cấu nhân sự hiện thời sẽ phải căng ra để thực hiện công việc, ngay cả với sự hỗ trợ của chuyên gia ngắn hạn. Có vẻ như số nhân viên hiện thời vốn đang làm việc với toàn bộ thời gian và công sức của mình. Việc thêm vào các khởi xướng mới có thể làm cho họ quá tải và giảm tính hiệu quả chung trong công việc, và có thể ảnh hưởng đến sự thành công của nỗ lực đề cập đến các vấn đề FLUPLA.

2. Tuyển dụng một Cố vấn phát triển có sự tham gia người trong nước (một Chuyên gia tổng hợp) làm việc cho Ban quản lý Chương trình trong biên chế của AMC

Thuận lợi: Chuyên gia này có thể chia sẻ tải trọng công việc tổng thể của hai Cố vấn phát triển có sự tham gia hiện thời và rất có thể là đảng nào cũng cần thiết khi chương trình mở rộng thêm chín xã mới vào năm 2005. Điều này có thể giúp vừa giảm được vấn đề về tải trọng công việc vừa giữ được tính linh hoạt cho việc triển khai lại sang các lĩnh vực công việc khác trong những đoạn thời gian ít tải trọng công việc trong công tác FLUPLA.

Bất lợi: Sự gắn kết có hiệu quả vào mạng lưới phức tạp của các hoạt động lồng ghép và có quan hệ qua lại cần có cho công tác FLUPLA thành công là một công việc dài hạn và toàn thời gian, mà điều này sẽ khó cho việc kết hợp với các trách nhiệm chia sẻ đối với những hoạt động ở các cấu phần khác của RUDEP. Nó có thể đòi hỏi một thời gian đáng kể để một chuyên gia tổng hợp, hoặc Cố vấn phát triển có sự tham gia nắm bắt về vô số chương trình, nghị định và quyết định liên quan đến FLUPLA. Điều này có thể trì hoãn sự khởi đầu hỗ trợ có hiệu quả của RUDEP đối với FLUPLA. Sự chậm trễ có thể đưa đến thất bại trong việc tác động lên các quyết định then chốt.

3. Đề xuất: Tuyển dụng một Cố vấn phát triển có sự tham gia chuyên môn về lâm nghiệp làm việc cho Ban quản lý trong biên chế của AMC

Thuận lợi: Có lẽ những nhiệm vụ công việc quan trọng nhất cho sự thành công của FLUPLA sẽ là việc thâm nhập vào mạng lưới các cơ quan và dự án có liên quan đến lâm nghiệp và tác động đến các quyết định then chốt về chính sách, thủ tục, nội dung đào tạo, và các hạn mức chi phí. Sự thành công trong các vai trò này sẽ được trợ giúp bởi sự tham mưu xuất phát từ một người có trình độ chuyên môn kỹ thuật vững vàng và có sự hiểu biết một cách chi tiết mà trình độ và sự hiểu biết này có được từ những kinh nghiệm trong việc hỗ trợ các hoạt động liên quan về rừng đòi hỏi phải có sự phối hợp giữa các cơ quan, và sự hiểu biết cá nhân của những người đóng vai trò chủ chốt trong các ngành có liên quan khác.

Bất lợi: Các cố vấn trong nước với trình độ như đã nêu trên rất hiếm và được nhiều người yêu cầu nên có thể rất khó tuyển dụng. Để thu hút đúng người có lẽ đòi hỏi phải có sự chi trả dần trải các định mức chi phí của RUDEP. Việc lựa chọn một cán bộ lâm nghiệp ít kinh nghiệm hỗ trợ tư vấn định kỳ có thể đáp ứng được nhiều yêu cầu công việc, nhưng khi tiếp xúc với các cán bộ Tỉnh về các vấn đề thuộc bản chất một chính sách thì nên có một cán bộ cấp cao có vai trò tham mưu đi cùng.

6.2 Các phương án hỗ trợ nông hộ nghèo

Các phương án cho RUDEP xem xét có thể bao gồm:

- a. Một khoản **trợ cấp** đơn giản và trực tiếp, một phần dưới dạng hiện vật (cung cấp các đầu vào) và một phần dưới dạng các khoản chi trả theo đợt vào mỗi khi giai đoạn chuẩn bị và trồng rừng đã được nông hộ thực hiện và được cán bộ kỹ thuật chịu trách nhiệm/cán bộ giám sát xác minh. Phương án này có thuận lợi là đơn giản, thúc đẩy các nông hộ nghèo một cách nhanh chóng và trực tiếp và sẽ không có mặt của “hậu” quản lý trong khi các phương án khác có thể có. Bất lợi của phương án này là chi phí mà RUDEP phải trả trước là cao nhất. Bằng cách này, có thể kiểm soát số lượng nông hộ có thể được hưởng lợi một cách hiệu quả.
- b. Thành lập các nhóm hoạt động chỉ bao gồm các nông hộ nghèo và cung cấp cho họ vốn khởi đầu đầy đủ thông qua cam kết cấp phát **tín dụng** năm đầu tiên đến các nông hộ tham gia. Kinh phí cho các năm kế tiếp có thể được đáp ứng ngoài các khoản tiết kiệm. Trong việc ước tính kinh phí ở đây, cần phải nhớ rằng ngay cả khi trồng những cây có thể phát triển nhanh thì chúng cũng sẽ không mang lại bất kỳ nguồn thu nhập tiền mặt nào trong khoảng thời gian ít nhất là từ 5 đến 6 năm. Mặc dù các nông hộ có thể thu được các sản phẩm ngoài gỗ trong những năm giữa của thời gian này thì sản phẩm thu được cũng không thể mang lại thu nhập một cách đáng kể, trừ khi là đã có dự tính khoản đầu tư ban đầu một cách thông thả.

Các khoản tín dụng cấp phát này có thể được thực hiện qua hợp đồng dưới điều kiện nông hộ bán cây trồng được trong vụ đầu tiên để thu hồi lại cả gốc lẫn lãi. Vốn thu hồi này có thể lại được quay vòng, hoặc là tái đầu tư vào cho vụ mùa khác hoặc là chuyển cho Xã kế nhiệm để bắt đầu lại chu trình này tại xã.
- c. **Cả trợ cấp lẫn tín dụng**, được tính theo nhu cầu của từng cá nhân nông hộ. Phương án này có thuận lợi là đo lường được nhu cầu một cách chính xác và dĩ nhiên là bao hàm cả phân tích và chứng thực mức độ nhu cầu trong từng trường hợp. Cũng có thể đàm phán về một số tín dụng thương mại sẽ sẵn có trên cơ sở này sau khi các dự án của SFDP và KFW bắt đầu hoạt động.

Một phương pháp tiếp cận khác được xem có thể liên quan ở đây là ứng dụng tổng hợp các kỹ thuật vào diện tích rừng trồng đầu tiên, bao gồm yếu tố trồng xen các loại cây có khả năng cho thu hoạch nhanh giữa các cây lâu năm (*nông lâm kết hợp*). Đây có lẽ là một cách tiếp cận tốt và được khuyến áp dụng khi kết cấu của các thử nghiệm hoặc mô hình trình diễn thực tế đang được quyết định. Nên khuyến khích tất cả các nông hộ tự xem xét phương án này. Nhưng với phương án này thì các nông hộ nghèo hầu như độc lập với các khoản kinh phí tài chính trong năm đầu, và không đúng với cấu phần phân tích kinh phí về cách giúp các nông hộ đáp ứng nhu cầu. Tất nhiên phương án này sẽ giúp chi trả các khoản lãi tín dụng nhờ vào dòng thu nhập thu được sớm hơn.

7 Các hoạt động tiếp theo cho việc hỗ trợ tư vấn

Rõ ràng một số chỉ dẫn đã gợi ý cho RUDEP nhằm hỗ trợ FLUPLA có sự tham gia một cách tiên bộ tại tỉnh Quảng Ngãi sẽ đòi hỏi có sự phát triển các phương pháp một cách chi tiết và cẩn thận. Có thể xem chỉ dẫn này trong Phụ lục 5, là phụ lục miêu tả các khái niệm và các phương thức tiềm năng hướng đến việc tạo ra một mạng lưới các vườn ươm cây trồng nông thôn. Việc đi đến những chi tiết như vậy cho tất cả các hành động được đưa ra nằm ngoài phạm vi và thời gian cho phép của Đoàn.

Các chủ đề về nơi mà sự hỗ trợ tư vấn thêm là có ích bao gồm các chủ đề trình bày dưới đây. Chú ý rằng nhiều hoặc tất cả các hoạt động sau có thể đòi hỏi sự hỗ trợ từ ngắn hạn cho đến trung hạn trong thời gian hơn 1 năm hoặc hơn.

7.1 Cố vấn nước ngoài

Sự hỗ trợ ngắn hạn cho nhân viên RUDEP và/hoặc một cố vấn trong nước về các hệ thống cụ thể và các công tác phát triển thuộc cơ quan, như về:

- a. Ứng dụng Hướng dẫn FLUPLA chi tiết thích hợp với thể chế và môi trường của tỉnh Quảng Ngãi.
 - b. Các vườn ươm cấp thôn.
 - c. Quản lý bền vững các sản phẩm rừng ngoài gỗ.
2. Hỗ trợ ngắn hạn cho nhân viên RUDEP và/hoặc một cố vấn trong nước về các công tác phát triển - kỹ thuật cụ thể, như các mô hình mẫu nông lâm kết hợp đã tinh lọc, ví dụ cây ăn quả và các loại cây trồng có giá trị nhằm gia tăng và thúc đẩy nhanh sự thu hồi vốn trên đất rừng đã phân. Hỗ trợ các chuyến kiểm tra thực địa và tổng kết các khởi động ban đầu, sẽ là cơ sở để nêu ra ý kiến và xem lại Các hướng dẫn.

7.2 Cố vấn trong nước

1. Phát triển và thử nghiệm các phương án kết hợp FLUPLA có sự tham gia với quá trình VDP cho các xã mới, những xã sẽ thuộc phạm vi hoạt động của RUDEP trong tương lai.
2. Hỗ trợ cho các ngành về đánh giá các nhu cầu tập huấn.
3. Giúp thảo ra các chương trình tập huấn và các lịch trình đối với các nhu cầu như về CBFM và FLUPLA. Xác định và hỗ trợ tuyển dụng các tập huấn viên chuyên nghiệp thực hiện chương trình tập huấn đã đưa ra. Giám sát và huấn luyện định kỳ nhằm đảm bảo các chuẩn mực chất lượng cao.
4. Hỗ trợ Trung tâm khuyến nông phát triển và thử nghiệm một chương trình các vườn ươm cấp thôn do người dân thực hiện (xem Phụ lục 5) với một loạt các loại cây đòi hỏi phải có sự tham gia của người dân và của thôn.

Các hạn định

Công ty URS Australia Pty Ltd (URS) soạn thảo báo cáo này để phục vụ cho Chương trình Phát triển nông thôn Quảng Ngãi của AusAID với một sự cẩn trọng và kỹ lưỡng của ngành tư vấn chuyên môn. Nội dung báo cáo này dựa trên những thông lệ và tiêu chuẩn được chấp nhận rộng rãi tại thời điểm nó được soạn thảo. Ngoài ra, không có một đặc quyền nào khác, dù là thành văn hoặc ẩn ý, được dẫn chiếu làm cơ sở cho nội dung cố vấn chuyên môn được bao hàm trong báo cáo này. Tài liệu báo cáo này được soạn thảo theo đúng lĩnh vực công việc và mục đích đã được hệ thống trong Văn kiện Thiết kế Chương trình.

Hệ phương pháp và các nguồn thông tin được vận dụng và sử dụng bởi URS sẽ được liệt kê trong báo cáo này. URS không thực hiện một sự kiểm chứng độc lập nào đối với những thông tin này ngoài phạm vi các công việc đã được chuẩn y và URS không chịu trách nhiệm về bất kỳ sự thiếu chuẩn xác hoặc sự bị bỏ sót nào trong các nguồn thông tin. Trong quá trình nghiên cứu tìm hiểu, người viết không tìm thấy một dấu hiệu nào cho thấy thông tin được cung cấp cho URS sử dụng trong báo cáo này là không đúng thực tế.

Báo cáo này được thực hiện trong thời gian Tháng 9/ 2004 và dựa trên các điều kiện và thông tin được xem xét tại thời điểm soạn thảo này. URS khước từ mọi trách nhiệm về bất kỳ những sự thay đổi nào có thể phát sinh sau thời điểm này.

Báo cáo này phải được đọc một cách đầy đủ. Người viết không chịu trách nhiệm về bất kỳ sự vận dụng từng phần nào trong báo cáo này vào một bối cảnh khác biệt nào đó hoặc phục vụ cho một mục đích nào khác hoặc dùng bởi những bên thứ ba. Báo cáo này không có ý định đưa ra sự cố vấn về pháp lý. Cố vấn pháp lý chỉ có thể cung cấp bởi những bên hành nghề pháp lý chuyên môn.

Phụ lục 1: Các nội dung yêu cầu công việc (đã được sửa đổi)

(Nội dung này đã được RUDEP cung cấp khi đoàn cố vấn đến Quảng Ngãi)

Phạm vi yêu cầu công việc đối với Cố vấn LUPLA ngắn hạn

Các phạm vi yêu cầu có thể và những thay đổi về các nội dung yêu cầu công việc đối với các cố vấn LUPLA đã được trình lên như sau:

- Nhấn mạnh sơ hoặc vừa phải về các vấn đề lâm nghiệp kỹ thuật vì RUDEP đã có các đầu vào là các cố vấn ngắn hạn trong nước được phân bổ cho các đầu vào về cố vấn lâm nghiệp kỹ thuật trong 4 tuần. Do đó, RUDEP đề nghị đoàn cố vấn tập trung trọng tâm vào các hoạt động LUPLA.
- Một bản tổng kết về các quy trình và các hoạt động quy hoạch sử dụng đất và phân bổ đất tại tỉnh Quảng Ngãi và đặc biệt cần thiết phải nhấn mạnh đối với các xã và các huyện thuộc RUDEP.
- Đặc biệt nhấn mạnh các đầu vào nên được đưa vào bản thảo Hướng dẫn LUPLA hoặc đưa vào các bước thực hiện nhằm giúp Chương trình có được nội dung để bắt đầu thảo luận với UBND xã, huyện và tỉnh.
- Cần phải nhấn mạnh các nhu cầu nâng cao năng lực cho các cán bộ cấp tỉnh, huyện và xã để thực hiện các hoạt động LUPLA.
- Các đầu vào nên xác định những gì mà RUDEP có thể làm và nên làm nhằm hỗ trợ các hoạt động LUPLA. Cần có một số thảo luận giữa RUDEP và các cố vấn về tính khả thi của bất kỳ hoạt động LUPLA nào được giới thiệu.
- Một cuộc hội thảo hoặc hội nghị chuyên đề cũng sẽ được thực hiện. Hội thảo hoặc hội nghị này nên tập trung vào các khái niệm các hoạt động LUPLA có sự tham gia và những kinh nghiệm từ Chương trình Phát triển Nông thôn Cao Bằng/ Bắc Cạn.
- Nên xác định các hoạt động kế tiếp nếu sau này ông Khôi sẽ quay lại Quảng Ngãi.

Phụ lục 2: Lịch trình các hoạt động của đoàn cố vấn và danh sách những người đã tiếp xúc.

Ngày		
T. 9		Các hoạt động
1	AM	Đi từ Hà Nội vào Đà Nẵng
	PM	Đến Quảng Ngãi
2	AM	Làm việc với ATL và PDAs
	PM	Đi tham quan thực địa đến xã Hành Phước
3	AM	Họp với Sở Lâm Nghiệp – Phó Giám đốc Sở NNPTNT (ông Hường)
	PM	Họp với Dự án Đa dạng hoá Nông nghiệp (Phòng Lâm Nghiệp) và Chi cục kiểm lâm.
4	AM	Phác thảo bản báo cáo và chuẩn bị chuyên đề
	PM	Phác thảo bản báo cáo và chuẩn bị chuyên đề
5	AM	Phác thảo bản báo cáo và chuẩn bị chuyên đề
	PM	Phác thảo bản báo cáo và chuẩn bị chuyên đề
6	AM	Đi tham quan thực địa đến xã Sơn Trung và họp với UBND xã.
	PM	Họp với UBND huyện Sơn Hà, Phòng Lâm nghiệp và Phòng Quản lý Đất đai. Họp với Sở KHĐT (Bà Hoà - Đồng giám đốc Chương trình)
7	AM	Đi tham quan thực địa đến xã Bình Minh và họp với UBND xã.
	PM	Họp với UBND huyện Bình Sơn, Phòng Lâm nghiệp và Phòng Quản lý đất đai.
8	AM	Họp với Chi cục Kiểm lâm
	PM	Ở văn phòng, thảo bản Báo cáo
9	AM	họp với Chi cục Phát triển Lâm nghiệp
	PM	Ở văn phòng, thảo bản Báo cáo
10	AM	Ở văn phòng, thảo bản Báo cáo
	PM	Họp với Giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường, Phòng đo đạc Bản đồ và Phòng địa chính.
11	AM	Viết báo cáo và chuẩn bị hội nghị
	PM	Viết báo cáo và chuẩn bị hội nghị
12	AM	Viết báo cáo và chuẩn bị hội nghị
	PM	Viết báo cáo và chuẩn bị hội nghị
13	AM	Cuộc họp giới thiệu thông tin đến nhân viên RUDEP và các đối tác của tỉnh được mời tham dự
	PM	Tổng kết Báo cáo
14	AM	Ra Đà Nẵng
	PM	Đi từ Đà Nẵng về Hà Nội

Danh sách những người đã tiếp xúc

Tên	Chức vụ	Ghi chú
1. Trevor Ole 2. Bede Evans 3. Mark Hoey 4. Ông Sinh 5. Vợ chồng ông Thủy 6. Ông Lê Văn Quý	ATL/ Đồng Giám đốc Chương trình PDA PDA Trưởng thôn, ở xã Hành Phước Nông dân thôn Hoài Sơn Nông dân	Vườn ươm nhỏ Vườn keo đã lớn
7. Ngô Văn Đây 8. Vũ Văn Sáu 9. Đoàn Văn Nhân 10. Trịnh Lương Thơm Nguyễn Quốc Trường	Phó GD TTKN tỉnh Trưởng phòng Lâm nghiệp TTKN tỉnh GD CPABQN và Phó GD Dự án Đa dạng hoá Nông nghiệp (ADP) Phó phòng Kỹ thuật của CPABQN Cán bộ của ADP	
11. Ông Bốn 12. Nguyễn Hùng Quang 13. Bà Nguyễn Thị Yên 14. Đinh Trọng Kim 15. Đinh Văn Ai 16. Trương Ngọc Quang 17. Phạm Hồng Lục 18. Trần Ngọc Tiến 19. Bà Nguyễn Thị Hoà	Chủ tịch UBND xã Sơn Trung Phó Chủ tịch UBND xã Sơn Trung Chủ tịch Hội phụ nữ xã Chủ tịch Hội cựu chiến binh xã. Phó Chủ tịch UBND huyện Sơn Hà Trưởng phòng kiểm lâm huyện Cán bộ phòng Quản lý đất đai Trạm trưởng Trạm kiểm lâm Phó GD Sở KHĐT Quảng Ngãi	Trưởng NTX xã mới Trưởng NTX xã cũ Thành viên NTX xã Thành viên NTX xã Trưởng NTX huyện Thành viên NTX huyện Thành viên NTX huyện VPD/ Đồng GD
20. Phạm Quang Đức 21. Ông Huy 22. Ông Tuấn 23. Phạm Văn Phương 24. Nguyễn Duy Lâm 25. Phú Trung Anh 26. Nguyễn Thanh Niên	Chủ tịch UBND xã Phó chủ tịch UBND xã Cán bộ xã (?) Phó Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn Cán bộ phòng kiểm lâm Trưởng phòng Quản lý đất đai Cán bộ phòng Quản lý đất đai	Trưởng NTX xã Trưởng NTX huyện Thành viên NTX huyện Phó phòng ARD
27. Trần Văn Hậu 28. Hoàng Văn Huy	Giám đốc Chi cục kiểm lâm QNgãi Trưởng phòng kiểm lâm	
29. Ông Trần Dũng 30. Nguyễn Khánh Ngọc	Phó giám đốc DFD Cán bộ phòng kế hoạch phụ trách các dự án	
31. Ông Nguyễn Độ 32. Vũ Đình Chiến 33. Ông Phong 34. Đỗ Văn Hải 35. Ông Nguyễn Tấn Hùng	Giám đốc DNRE Phó phòng đăng ký đất đai Cán bộ LRS GD TT Khảo sát Địa chính Phó GD DPI	Cán bộ tiếp xúc của RUDEP

Phụ lục 3: Vai trò của FLUPLA trong chiến lược lâm nghiệp ở Cao Bằng
Chiến lược khôi phục rừng
của Dự án Phát triển Nông thôn Cao Bằng - Bắc Cạn
tại tỉnh Cao Bằng

1999-2004

Drake Hocking, Cố vấn Lâm nghiệp

Bối cảnh

Tài liệu về bối cảnh sau được nguyên cán bộ phòng lâm nghiệp của UBND tỉnh Cao Bằng - ông Nông Ích Học, ông Lý Danh Phương quá cố, và ông Nguyễn Quang Minh (Giám đốc hiện thời của Chi cục Kiểm lâm) cung cấp. Vì tài liệu này vẫn chưa được những người cung cấp thông qua nên nếu có sai sót gì thì đó là trách nhiệm của tác giả.

Đất rừng tại tỉnh Cao Bằng chiếm 555,000 ha, hay 82% tổng bề mặt của tỉnh (theo Phòng Quản lý Địa chính). Việc khôi phục lại rừng tại tỉnh Cao Bằng là cần thiết sau những làn sóng phá rừng đã diễn ra hơn 50 năm qua. Các nguyên nhân chính của việc phá rừng bao gồm chiến tranh (với Pháp, Mỹ và Trung Quốc), khai thác gỗ kinh doanh - chủ yếu là các Doanh nghiệp Nhà nước, và chuyển hoá đất để sử dụng cho nông nghiệp dưới áp lực ngày càng tăng nhằm giảm cách sử dụng truyền thống về tập quán du canh của các nhóm dân tộc thiểu số trong sản xuất các loại cây lương thực.

Biến rừng thành đồi trọc là một sự lãng phí tài nguyên, làm tăng nguy cơ xói mòn, lũ lụt và xuống cấp của các hệ thống nước. Như hiện tại, việc tỉnh thiếu gỗ có thể thu hoạch đồng nghĩa với việc tỉnh sẽ không có nguồn thu nhập nào từ rừng và do đó số tiền dành để tái đầu tư khôi phục rừng là rất ít. Để khôi phục rừng đòi hỏi phải có sự tham gia của tất cả các bên có liên quan, bao gồm các cộng đồng nông thôn và cá nhân người dân.

Kinh nghiệm cho thấy việc làm thiết yếu đầu tiên để khôi phục lại rừng là phân bổ chúng đến các “chủ sở hữu” đã được lựa chọn (có thể là các nhân hoặc tổ chức). Trong chính sách của Trung ương có nêu “Mọi khu rừng nên có chủ sở hữu”. Việc phân bổ cho các chủ sở hữu nhằm tạo ra và duy trì mối quan tâm của bên có liên quan trong việc bảo vệ, đầu tư và quản lý tốt. Động cơ thúc đẩy đầu tư và bảo vệ rừng hoàn toàn tùy thuộc vào sự tự tin của người dân rằng họ sẽ thu được lợi nhuận từ việc làm này. Điều này có nghĩa là có sự đảm bảo và có sự sở hữu minh bạch đối với phần đất được phân bổ trong thời gian chu kỳ phát triển của rừng. Sự sở hữu một cách minh bạch này được xác minh bằng cách duy nhất là cấp Giấy chứng nhận sử dụng đất dài hạn, giấy này thường được gọi là “Sổ đỏ”, được cơ quan có thẩm quyền cấp.

Vì những lý do lịch sử, hầu như tất cả rừng ở tỉnh Cao Bằng hiện tại được phân loại hoặc là rừng phòng hộ hoặc là rừng đặc dụng. Việc phân bổ đất (LA) có thể được thực hiện một cách hợp lý chỉ sau khi đã có Quy hoạch sử dụng đất (LUP; vì vậy ta có LUPLA) một cách cẩn thận để biết được điều kiện và chất lượng của đất, cũng như việc sử dụng đất hiện tại và tiềm năng của nó như là rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng sản xuất, rừng đặc dụng, rừng cây công nghiệp, cây ăn quả hoặc các cây rừng lâu năm khác như cây chè, đất chăn thả gia súc, và đất độc nông nghiệp để trồng các loại cây lương thực. Quy hoạch sử dụng đất là vấn đề sống còn cho mục đích hình thành nên các khu vực với mục đích sử dụng khác nhau nhằm giảm thiểu những mâu thuẫn trong sử dụng, chẳng hạn như chăn thả gia súc trên các khu trồng mới. Việc tìm ra các khu vực liên quan đến sử dụng khác nhau là cần thiết cho mục đích quy hoạch để đầu tư.

Tình hình tại tỉnh Cao Bằng liên quan đến phân bổ đất rừng rất phức tạp. Việc tìm những số liệu thống kê trên thực tế thì khó vì trách nhiệm phân bổ đất rừng và cấp Sổ Đỏ còn rời

rầm, lộn xộn. Các số liệu thống kê đã từng được Sở quản lý đất đai cấp tỉnh duy trì. Các Văn phòng Quản lý Đất đai Huyện giờ báo cáo cho các văn phòng Phát triển Nông nghiệp và Nông thôn Huyện (ARDOs) (từ năm ngoái), và các số liệu thống kê giờ được lưu tại các văn phòng huyện. Hiện tại, không có ghi chép tập trung về phân bổ đất rừng nào ở cấp tỉnh. Các số liệu sau đây được ước tính trên cơ sở các số liệu có sẵn tốt nhất.

Trước khi có Dự án Phát triển Nông thôn Cao Bằng - Bắc Cạn (1999 – 2004), việc phân bổ đất rừng đã được thực hiện trên cơ sở tạm thời (“sổ xanh”) đối với 54% diện tích (khoảng 300,000 ha). Sổ đỏ đã được cấp phát trên cơ sở “*phi thực*” đối với những tình huống đặc biệt với diện tích nhỏ hơn nhiều. Diện tích “được ước tính” đã có Sổ đỏ đến cuối năm 2002 chiếm 8% diện tích đất rừng. Việc cấp phát Sổ đỏ một cách chính xác giữa các cá nhân và các đơn vị vào thời điểm đó là không thể. Việc cấp phát này chỉ được thực hiện chủ yếu ở những vùng rừng đã bị phá trước khi chúng được các Doanh nghiệp liên quan đến rừng của Nhà nước (SFES) kiểm soát với mục đích là để các Doanh nghiệp này trồng lại rừng. Đến khi Trung ương bãi bỏ tất cả các SFE “phi kinh tế” (mà hầu hết là ở Cao Bằng) nhiều diện tích đất được cấp sổ đỏ trong sổ sách của các SFE không còn tồn tại đã trở nên im lìm, không hoạt động. Diện tích đất đã được cấp sổ đỏ thực sự dưới sự kiểm soát của người dân đã không được biết một cách chính xác, và theo ước tính (chưa đảm bảo độ chính xác) của Phòng kế hoạch thuộc DARD là khoảng một nửa hay là 4% tổng diện tích đất rừng của tỉnh.

Một lý do tại sao tốc độ cấp Sổ Đỏ bước đầu chậm là vì không có sự xác định trách nhiệm một cách rõ ràng và không có cơ quan nào đứng ra chịu trách nhiệm theo dõi thực hiện. Một nguyên nhân khác nữa là do nảy sinh ra nhiều tranh cãi dưới địa phương vì việc phân bổ đất đã được thực hiện (đã cấp phát “sổ xanh”) trên giấy tờ mà không tham khảo tình hình thực tế về đất, không xem xét các ranh giới tự nhiên, và ranh giới của các đơn vị hành chính như Xã và thôn và việc phân bổ này đã được chứng minh là không chính xác. Nguyên nhân thứ ba là do sự thâm tra về đất thì khó khăn và tốn kém về mặt nhân lực và chi phí thực địa.

Kinh nghiệm của Dự án Phát triển Nông thôn Cao Bằng - Bắc Cạn về LUPLA và khôi phục rừng.

Chiến lược của Dự án nhằm thay đổi tất cả là: đầu tiên, phát triển một *môi trường tích cực* mà môi trường này sẽ góp phần thúc đẩy tiến trình lâm nghiệp xã hội thực tế tại Cao Bằng. Chúng tôi đã bắt đầu bằng cách hỗ trợ các chuyên tham quan học hỏi cho các cán bộ được lựa chọn từ Tỉnh, FDI, Đơn vị Quản lý đất đai và các huyện đi đến các tỉnh bạn có nhiều kinh nghiệm về LUPLA có sự tham gia. Căn cứ theo kinh nghiệm của các cán bộ này, các cơ quan đối tác (chủ yếu là FPD và các huyện) xin hỗ trợ tập huấn cho nhân viên của cơ quan. Việc lập kế hoạch và xác định các tập huấn viên chủ chốt có kỹ năng và kinh nghiệm đã chiếm hầu hết thời gian của năm 2002.

Bước tiếp theo hướng đến cải thiện môi trường tích cực là đề xuất và hỗ trợ một “Hội nghị chuyên đề về Chiến lược mới Khôi phục lại rừng dành cho các nhà lãnh đạo”. Hội nghị này đã gắn kết các cơ quan có liên quan trong các tổ chức Chính quyền tỉnh và huyện lại với nhau, thu hút được ý kiến đóng góp về các chủ đề có liên quan từ các cán bộ tham dự, và đã mời đến một vài các chuyên gia trong nước đến để giới thiệu và/hoặc giải thích những đổi mới trong chính sách sẽ được thực hiện từ Trung ương và tại các tỉnh khác. Tác động chính từ cuộc hội nghị chuyên đề dành cho các nhà lãnh đạo này là khuyến khích những suy nghĩ mới và tăng sự cởi mở đối với những ý tưởng mới về các vấn đề về rừng. Hội nghị cũng đã thành lập hai “Nhóm hoạt động” chịu trách nhiệm truyền đạt những chính sách mới cho UBND tỉnh để UBND lưu ý và điều chỉnh đối với các quá trình hoạt động mà không đòi hỏi phải có một quyết định chính sách.

Đầu năm 2003, các cán bộ Tỉnh là những người thận trọng cũng đã nhất trí bắt đầu thí điểm tại một xã đơn lẻ trong một huyện nhằm bước đầu giới thiệu LUPLA có sự tham gia với phương pháp “học thông qua thực hành” đã được lên kế hoạch một cách cẩn thận.

Những tháng đầu thử nghiệm đã mang lại một sự hiểu biết tốt hơn về các nhu cầu trong nội bộ cơ quan và đã giúp phát triển nên Hướng dẫn về tài chính và hành chính. Một Ban quản lý LUPLA đã được hình thành ở cấp huyện và Ban quản lý này đã đưa ra những thông số rõ ràng về vấn đề thời gian và ngân sách cần thiết. Nhờ sử dụng những thông số này mà Ban quản lý dự án và kế tiếp là Tỉnh đã bị thuyết phục và đã phê chuẩn một tập các định mức chi phí cho LUPLA đã được nhất trí. UBND Tỉnh đã ban hành một Quyết định mà lần đầu tiên nhiệm vụ lãnh đạo thực hiện LUPLA đã được chỉ định cho FPD một cách rõ ràng và Quyết định cũng đã phân công LMD (giờ là một bộ phận của DARD) và các huyện cùng hợp tác và hỗ trợ cho quá trình thực hiện khi có yêu cầu. Ban quản lý dự án đã phê chuẩn khoản ngân sách đủ cho năm 2003 nhằm mở rộng chương trình thí điểm trên 5 xã trong huyện thực hiện thí điểm.

Học thông qua thực hành cùng với tập huấn và hướng dẫn thường xuyên để nhằm phát triển đội ngũ tập huấn viên chủ chốt cho LUPLA đã được lựa chọn một cách cẩn thận và đội ngũ này gồm các cán bộ lâm nghiệp của FPD, cán bộ của DLM tại huyện thực hiện thí điểm, và một số cán bộ lâm nghiệp từ các huyện phụ cận. Đội ngũ này được chuẩn bị để sau này mở rộng chương trình vào năm 2004. Hiện tại chúng tôi có 8 nhóm LUPLA có kinh nghiệm và tự mỗi nhóm này có thể tiến hành LUPLA một cách độc lập. Mỗi lần thực hiện, nhóm sẽ kèm thêm 2 cán bộ lâm nghiệp mới làm cơ sở để hình thành nên nhóm mới khác (cho các huyện khác). Thời gian làm việc thực địa về LUPLA cho một xã khoảng từ 4 – 6 tuần và thời gian làm việc hành chính bao gồm cả cấp phát Sổ đỏ là từ 3 – 4 tuần nữa. Đến năm 2004, Tỉnh có khả năng hoàn thành quá trình này tại ít nhất là 24 xã, và thông qua sự mở rộng liên tục số lượng những người thực hiện đã có kinh nghiệm và đã được tập huấn, số xã có khả năng hoàn thành LUPLA vào năm 2005 là 48 xã.

Nhưng rất tiếc là dự tính này sẽ không thực hiện được. Trong năm 2004, chúng tôi chỉ có kinh phí thực hiện LUPLA tại 9 xã (ở Cao Bằng), và không có khoản kinh phí nào cho năm 2005 (trừ khi có một dự án mới tương tự). Kinh phí từ ngân sách tỉnh dành cho hoạt động này rất ít, còn kinh phí nhận được từ Chính phủ trung ương dưới 5MHRP (xem phần sau) lại gắn kết một cách nghiêm ngặt với các hoạt động khôi phục lại rừng trên thực tế và không thể sử dụng ngân sách này vào việc phân bổ đất.

Phải nói thêm rằng tốc độ tiến triển và sự thành công của việc tập huấn về LUPLA đã được hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi bởi song song với việc cung cấp tập huấn còn có sự định hướng đến tất cả các nhân viên lâm nghiệp của FPD cả về mặt lý thuyết lẫn thực hành về Lâm nghiệp Xã hội. Điều này được thực hiện thông qua một nhóm các tập huấn viên chủ chốt có kinh nghiệm (từ Trung tâm Tập huấn về Lâm nghiệp Xã hội thuộc Trường đại học Xuân Mai) với việc sử dụng cùng phương pháp là học thông qua thực hành. Tập huấn được cung cấp thông qua môi trường các nhóm dân đang tập huấn thực tế, và căn cứ vào chương trình giảng dạy đã được đơn giản hoá tập trung vào các kỹ năng chính yếu (các công cụ có sự tham gia) và các khái niệm (với nội dung trình bày một cách rõ ràng). Chương trình này được gắn kết và thực hiện trước tập huấn về LUPLA khoảng 2 tháng nên luôn có một đội ngũ các cán bộ lâm nghiệp mới được định hướng có kỹ năng về các công cụ có sự tham gia, sẵn sàng tham gia tập huấn về LUPLA.

Một chương trình phụ khác quan trọng là tính liên tục của việc tập huấn về Quản lý Rừng dựa vào Cộng đồng (CBFM) tại thôn hoặc cấp nhỏ hơn thôn, được lồng ghép một cách cẩn thận với việc thực hiện LUPLA, vì vậy người dân được trao quyền để tận dụng hợp lý đất rừng đã phân bổ. Việc này kế tiếp phải được hỗ trợ vốn giống đầy đủ để tạo điều kiện cho người dân thực hiện những bước đầu tiên đầu tiên trong Kế hoạch Hành động Phát triển lâm nghiệp cộng đồng sẽ được tiến hành. Một phần trong công tác này là đối thoại liên tục với các cơ quan tài chính để phát triển một chính sách phù hợp với thực tế về cấp

phát tín dụng đầu tư vào lâm nghiệp với mức lãi suất phản ánh được bản chất lâu dài của việc đầu tư vào rừng. Câu nói ở đây dĩ nhiên là với yếu tố quan trọng của Sổ đỏ, đó là sự thừa nhận Sổ đỏ là một vật thể chấp được cho khoản tín dụng cơ quan đã cấp trong khi “sổ xanh” không có khả năng này. Sự thừa nhận này (về vật thể chấp) tương đương với sự tự tin mới của người dân về vấn đề sở hữu đất rừng, đủ để khuyến khích họ đầu tư (gồm cả công lao động của gia đình và công bảo vệ) với mong đợi là có thể làm chủ được những kết quả từ sự quản lý tiến bộ cho lợi ích bản thân và cộng đồng.

Nhằm mục đích hỗ trợ chung và hỗ trợ tài chính cho việc khôi phục lại rừng trên cả nước Việt Nam, Trung ương đã có “Chương trình Tái sinh 5 triệu hecta rừng” (5MHRP). Trung ương đã cung cấp đặc điểm chi tiết và hướng dẫn cho việc khôi phục lại rừng thông qua các mức đầu tư khác nhau, từ bảo vệ đơn giản rừng tái sinh tự nhiên qua các cấp độ trồng mở rộng hoặc trồng bổ sung các loại cây đa dạng, cho đến trồng độc canh toàn bộ hoặc hỗn hợp các loại cây công nghiệp phát triển nhanh; và kèm theo kế hoạch chi tiết về các khoản trợ cấp có thể cấp cho những người dân sẽ tham gia vào chương trình này.

Dự án đã và đang liên kết với các chương trình lâm nghiệp khác qua việc hỗ trợ Cao Bằng với Chương trình 5MHRP, và sự hỗ trợ này bao gồm ứng dụng kế hoạch về các khoản trợ cấp mà trong kế hoạch đã nêu rõ. Việc làm này liên quan trực tiếp đến mục tiêu giảm nghèo cũng như khôi phục lại rừng của Dự án. Một thách thức quan trọng của 5MHRP là làm thế nào để các khoản trợ cấp được xem xét và được cấp phát đến người dân. Trong trường hợp này, Dự án đã mở một cuộc đối thoại với Tỉnh hướng đến ứng dụng phương pháp tiếp cận do KfW (Ngân hàng Viện trợ của Đức) thực hiện đầu tiên tại Việt Nam. Phương pháp này tách biệt chức năng hướng dẫn kỹ thuật và kiểm tra các khoản tài chính. Một đối tác kỹ thuật, ở Cao Bằng thì thường là Chi cục Kiểm lâm (FPD), cung cấp hỗ trợ kỹ thuật đến cho người dân và xác minh các kết quả của trồng và bảo vệ rừng đạt được. Một đối tác tài chính riêng biệt là ngân hàng nửa-thương mại (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – VBARD). Ngân hàng mở các tài khoản cho từng người dân và gửi vào mỗi tài khoản một khoản trợ cấp tương ứng. Khi đã được FPD xác minh mục tiêu đạt được sau từng bước thực hiện, ngân hàng sẽ cho người dân rút khoản trợ cấp này tương ứng theo từng giai đoạn thực hiện.

Trong quá trình hỗ trợ việc trồng rừng được khuyến khích qua chương trình đã được kết hợp một cách cẩn thận này, Dự án đã và đang khuyến khích thành lập nên các vườn ươm tư nhân ở cấp thôn và cấp độ cá nhân người dân. Việc làm này giúp khắc phục được tình trạng thiếu cây giống thường xuyên đối với các giống cây được ưa chuộng cũng như giải quyết được tình trạng cây giống bị chết sau quãng đường vận chuyển xa từ các vườn ươm trung tâm. Khởi đầu, việc sản xuất của các vườn ươm tư nhân này được hợp đồng bởi các đối tác của Dự án để cấp phát tự do đến những người dân đang tham gia. Mục tiêu của các vườn ươm tự túc này được tiếp tục bằng một sự chuyển tiếp đã được lên kế hoạch, đầu tiên là hệ thống phiếu, sau đó là thanh toán một phần bởi những người dân đang nhận. Theo dự định, sẽ hướng đến các giao dịch bằng tiền mặt đơn giản và để đạt được điều này đòi hỏi phải có một khoản thời gian là một năm hoặc hơn. Theo cách này, tự người dân sẽ luyện tập về sự lựa chọn và mức độ kiểm soát chất lượng của vườn ươm đã được thông báo. Sau đó, ngân hàng sẽ giải ngân cho họ theo định mức trợ cấp tương ứng được 5MHRP ứng dụng.

Tóm lược chiến lược khôi phục rừng này là:

1. Quy hoạch sử dụng đất có sự tham gia (LUP)
2. Phân bổ đất (LA) và cấp Sổ đỏ (=LUPLA)
3. Quản lý rừng dựa vào cộng đồng (CBFM)
4. Hỗ trợ thông qua các định mức của 5MHRP
5. Tách biệt chức năng kỹ thuật và tài chính theo mẫu của KfW, sử dụng FPD và VBARD

6. Các vườn ươm tư nhân do người dân hoạt động

Dĩ nhiên là còn nhiều sáng kiến hỗ trợ khác mà chúng tôi không thể nêu hết ra trong báo cáo ngắn ngủi này, chẳng hạn như thực hiện các thử nghiệm với các loại cây gỗ cứng bản địa và các sản phẩm rừng ngoài gỗ (NTFPs).

Vậy kết quả tính theo phần trăm đất rừng phân bổ đã được cấp Sổ đỏ ra sao? Trong năm 2003, có 2878 Sổ đỏ đã được cấp đến tay các bên tham gia có liên quan tại 6 xã với tổng diện tích là 7149.81 ha. Năm nay (2004), các kế hoạch, kinh phí thực hiện, và cán bộ được tập huấn đã có và đang được thực hiện với mục tiêu đề ra là cố gắng phân bổ thêm 13,426 ha nữa với tổng số lượng Sổ đỏ được cấp tại 9 xã là khoảng 4312 vào trước tháng 9. Tổng cộng, trong hơn 2 năm, Dự án đã và đang trực tiếp chịu trách nhiệm tạo điều kiện cấp phát Sổ đỏ cho 20,576 ha, khoảng 3% tổng diện tích đất rừng của tỉnh. Con số này gần gấp đôi so với diện tích đất rừng đã có Sổ đỏ phân bổ cho tư nhân theo ước tính (Sổ đỏ đã ở trong tay người dân, không phải SFEs) trước khi có dự án. Và chúng tôi đã và đang nâng cao năng lực để tiếp tục quá trình này với tốc độ ít nhất là 7%/năm VÀO LÚC NÀY, và tăng đến 15%/năm từ năm 2005, mặc dù để thực hiện điều này vẫn còn cần kinh phí.

Vậy tác động về mặt khôi phục lại rừng ở Cao Bằng là gì? Câu trả lời là trong giai đoạn Dự án hoạt động và kể cả các mục tiêu cho năm 2004, sẽ có khoảng 1700 ha rừng trồng mới và khoảng 4000 ha rừng tái sinh tự nhiên được bảo vệ, tổng cộng là 5700 ha, tương đương với khoảng 1% tổng diện tích đất rừng của tỉnh hay khoảng 2% diện tích đất được che phủ. Kết quả này đã đạt được trong 3 năm từ các chương trình thực địa tích cực, và đồng thời đã và đang giúp nâng cao năng lực để khôi phục rừng một cách bền vững hơn và nhanh hơn nhiều trong tương lai, tùy theo kinh phí đầu tư cần thiết đang sẵn có.

Phụ lục 4: Các bước cơ bản hướng đến CBFM

1	Sơ lược lại tình hình phân bổ đất rừng
a	Tổng quan về diện tích đất rừng (ha) và loại hình sở hữu - Diện tích đất rừng chưa phân bổ sẽ được phân bổ cho hệ thống CFM - Diện tích đất rừng đã phân bổ đến các nông hộ kể cả hệ thống CFM - Diện tích đất rừng đã phân bổ cho các tổ chức kể cả hệ thống CFM
b	Lược lại sự dàn xếp với các nông hộ/tổ chức đã được phân bổ đất rừng và nhất trí đưa đất này vào hệ thống CFM.
c	Chuẩn bị tờ trình về việc phân bổ đất rừng đến các cộng đồng thôn/nhóm các nông hộ sẽ tham gia vào hệ thống CFM
2	Kiểm kê các nguồn rừng bao gồm cả phân loại đất rừng (rừng phòng hộ, sản xuất, đặc dụng)
3	Chuẩn bị cơ sở quy hoạch sử dụng và phát triển rừng
a	Kế hoạch sử dụng và phát triển rừng dài hạn (50 năm)
b	Kế hoạch đầu tư và quản lý rừng 5 năm
c	Kế hoạch làm việc và thu hoạch hằng năm
d	Tính khả thi về kinh tế
e	Các sắp xếp chia xẻ lợi ích
4	Thành lập các hệ thống báo cáo và kiểm soát dựa vào cộng đồng
5	Thực hiện các biện pháp tập huấn/huấn luyện
a	Tóm lược các phương pháp
b	Lập kế hoạch quản lý và phát triển rừng
c	Tính khả thi về kinh tế và các sắp xếp chia xẻ lợi ích
d	Thu hoạch và chế
e	Phát triển các tổ chức cộng đồng
6	Thực hiện các kế hoạch năm về thực hiện và thu hoạch
a	Tái sinh rừng/Trồng rừng
b	Chăm sóc
c	Thu hoạch
7	Đánh giá việc thực hiện trong suốt giai đoạn thành lập
8	Củng cố/điều chỉnh các sắp xếp kỹ thuật, tổ chức và tài chính khi được yêu cầu qua đánh giá, nếu có.

Phụ lục 5: Khái niệm vườn ươm cấp thôn và các phương thức

Vườn ươm cấp thôn: Kế hoạch cùng với các phương thức

Mục tiêu:

Tạo ra một mạng lưới các vườn ươm cấp thôn với quy mô nhỏ do người dân điều hành, quản lý về chất lượng; và tự duy trì thông qua sự phát triển nhu cầu về các giống cây của địa phương một cách hiệu quả.

Vấn đề

Việc thu mua các giống cây trồng thì luôn luôn phức tạp. Phần nhiều thời gian của cán bộ được sử dụng vào tổ chức hoặc xác định các nguồn giống, giai đoạn trưởng thành của các cây giống con thường không thích hợp với địa điểm và mùa dự định trồng, chi phí vận chuyển lại đắt. Những khó khăn trong việc thu mua và phân phối có thể dẫn đến tình trạng cấp phát cây giống bị trễ, bỏ lỡ thời gian trồng tối ưu nhất. Tỷ lệ cây bị chết sau khi trồng có thể rất cao do cây bị khô héo và/hoặc bị hư hại trong quá trình vận chuyển và mua bán.

Trong nhiều chương trình về lâm nghiệp, các hoạt động tại thực địa thường bị trì hoãn hoặc thất bại về mặt thời gian và địa điểm trồng do thiếu loại cây giống thích hợp và do chất lượng cây không đảm bảo. Việc tiếp tục sau những trì hoãn như vậy có lẽ là không thể thực hiện được trong cùng năm do những yêu cầu về mùa vụ. Như vậy kết quả là chương trình phải mất khoảng thời gian một năm này. Nghiêm trọng hơn là làm nản lòng và gây tác động xấu đến cho những người dân tham gia.

Giải pháp: Các vườn ươm cấp thôn

Các vườn ươm do người dân điều hành dựa vào thôn có thể giải quyết được các vấn đề như thế này. Các ưu điểm bao gồm:

1. Cây giống sẵn có tại đúng nơi. Không xảy ra các vấn đề do vận chuyển và giảm hư hại trong quá trình mua bán.
2. Cây giống đúng chủng loại, vì những người điều hành các vườn ươm này tìm đến các loại cây trồng mà những người xung quanh muốn trồng.
3. Với việc tập huấn đúng đắn, các cây giống sẽ đúng tuổi, đúng kích cỡ và chất lượng. Khi những người dân khác cũng được tập huấn, họ có thể thực hành kiểm soát chất lượng thông qua sự giám sát và lựa chọn mang tính chất địa phương.
4. Điều hành một vườn ươm là một hoạt động tạo thu nhập có thể do người nghèo, là những người có ít hoặc thậm chí không có đất mà họ có thể thuê một khu đất nhỏ gần nguồn nước thực hiện.
5. Khoản chi phí mà Nhà nước phải chi sẽ giảm khi người dân tự mua cây giống từ các nguồn cung cấp tại địa phương.

Những khó khăn trong việc hình thành các vườn ươm cấp thôn

Một số (vài) vườn ươm do người dân điều hành hoạt động một cách thành công tại các tỉnh khác nhau của Việt Nam. Tuy nhiên, có nhiều khó khăn trong việc hình thành những vườn ươm như thế này trên quy mô lớn do:

1. Thiếu hệ thống tập huấn thích hợp để nâng cao kiến thức và các kỹ năng quản lý vườn ươm với số lượng lớn các địa điểm thực địa tách biệt trên quy mô rộng.
2. Thiếu nguyên vật liệu thích hợp để nhân giống (như hạt giống, hom giống, cây mẹ) ở những vùng nông thôn xa xôi.
3. Thiếu một thị trường phù hợp đủ để thuyết phục những người dân địa phương chi trả cho việc mua cây con giống.

4. Thiếu sự tiếp cận của người dân đối với các đầu vào cần thiết như túi bầu hoặc các vật chứa khác để trồng cây giống, phân bón, thuốc trừ sâu hoặc các thiết bị dụng cụ khác.
5. Thiếu kiến thức về lâm nghiệp và nguyên liệu để nhân giống các loại cây bản địa được ưa chuộng.

Kế hoạch này đưa ra một số giải pháp có tiềm năng giải quyết những khó khăn này. Các giải pháp này bao gồm các chương trình tập huấn được thiết kế tốt, tin dụng thích hợp (chẳng hạn như thông qua các khoản vay từ các quỹ tín dụng và tiết kiệm), sự cố vấn chuyên nghiệp định kỳ, các sắp xếp hình thành mạng lưới và tổ chức để phân phối các đầu vào.

Mạng lưới tập huấn

Hầu hết các huyện có một hoặc hai vườn ươm từ quy mô vừa cho đến quy mô lớn và những vườn ươm này được điều hành bởi cơ quan nhà nước hoặc được tư nhân điều hành dưới các hợp đồng sản xuất với cơ quan nhà nước một phần sử dụng kinh phí từ Dự án. Những vườn ươm này mang lại một nguồn những người điều hành vườn ươm có kỹ năng và có kinh nghiệm. Chúng tôi xin giới thiệu để mở rộng các kỹ năng này như sau:

1. Bắt đầu ngay bây giờ, đề nghị tất cả các xã thuộc RUDEP xác định những người sẽ điều hành các vườn ươm dựa vào thôn trong vòng thời gian là một tháng (đến giữa tháng 10 năm 2004). Các hướng dẫn và tiêu chí sẽ được cung cấp phục vụ cho việc lựa chọn những người sẽ là “**Người được tập huấn điều hành các vườn ươm**”. Cán bộ của Dự án và Trung tâm khuyến nông sẽ cùng nhau phát triển và ứng dụng các hướng dẫn này.
2. Những người hiện có vườn ươm cấp Huyện hoặc xã đã được hợp đồng sẽ được thông báo về sự thay đổi chính sách. Từ năm tới (2005), những hợp đồng mới sẽ được thực hiện chỉ với những người có vườn ươm mà đồng ý tham gia vào Chương trình Tập huấn cho những người có vườn ươm cấp thôn. Những vườn ươm hiện có dự kiến có thể tiếp tục được hợp đồng trong thời gian một vài năm, nhưng với số lượng cây giống ít hơn và với các loại cây đặc trưng hơn.
3. Hiện tại, chúng tôi có thể đề nghị rằng 50% tổng nhu cầu cây giống theo dự tính cho kế hoạch của năm tới và các hoạt động trồng cây không nằm trong kế hoạch sẽ được hợp đồng với những đơn vị hợp đồng hiện có. 50% còn lại sẽ đến từ các vườn ươm cấp thôn mới sẽ được hình thành.
4. Tỷ lệ và các chủng loại cây mà các đơn vị hợp đồng có sẵn có lẽ phải được thay đổi thêm trong những năm tới căn cứ theo nhu cầu.
5. Trong thực tế, số lượng cây giống ước tính để hình thành nên các vườn ươm cấp thôn sẽ được tính cho 100% nhu cầu đã trừ tính của địa phương, với dự kiến là tỷ lệ thành công của các cây giống với kích thước và chất lượng tốt của họ trong năm đầu tiên có thể là chỉ 50%. Trường hợp còn dư một số cây, số lượng này sẽ cung cấp cho thị trường cạnh tranh tự do để đáp ứng nhu cầu của địa phương, hoặc bổ sung vào những nơi thiếu hụt ở các thôn gần bên.
6. Chương trình tập huấn sẽ là học hỏi kinh nghiệm, học thông qua thực hành. **Những người được tập huấn điều hành các vườn ươm** này sẽ đến vườn ươm của Huyện hoặc xã lân cận ít nhất là trong một ngày với một hoặc hai lần/tháng tùy theo các yêu cầu mùa vụ để tập điều hành các vườn ươm sẽ được thực hiện. Sẽ có khoảng 10 – 20 **người được tập huấn điều hành các vườn ươm** đối với mỗi vườn ươm rộng hơn. Họ sẽ được hướng dẫn bởi những người điều hành vườn ươm đầy kinh nghiệm về những công việc sẽ được thực hiện *trong tháng đó hoặc tuần đó* và rồi họ sẽ thực hành công việc hoặc kỹ năng này để *học hỏi kinh nghiệm* qua thực hành chúng trên cùng một vườn ươm.

7. **Những người được tập huấn điều hành các vườn ươm** này sau đó sẽ quay về nhà và thực hiện công việc tương tự như vậy trên chính mảnh đất của mình (cần thiết phải thực hiện trong tháng đó hoặc tuần đó). Thực tế mà nói thì cách làm này giống như hệ thống “Trường học trên thực địa dành cho nông dân” (FFS) tập huấn về các kỹ năng và kiến thức nông nghiệp. Chúng ta có thể gọi cách tiếp cận này là “*Các trường học trên thực địa về vườn ươm cấp thôn dành cho nông dân*” hay *FFS-VLN*.
8. Lợi ích cho **Những người được tập huấn điều hành các vườn ươm** này là họ sẽ được tập huấn và học hỏi kinh nghiệm, bên cạnh đó họ cũng sẽ nhận được một số DSA và các chi phí đi lại. Lợi ích cho những người điều hành các vườn ươm rộng hơn sẽ là họ nhận được những gì đã thực hiện trên vườn ươm của mình “miễn phí”, và nhận được một sự đảm bảo về hợp đồng sản xuất với ARDO trong năm tới.
9. Theo dự kiến trong năm đầu tiên, số lượng chủng loại cây mà **Những người được tập huấn điều hành các vườn ươm** có thể học hỏi để sản xuất sẽ rất ít, có lẽ mỗi người chỉ học được từ 2 – 3 loài. Một điều quan trọng là phải thu xếp để đưa **Những người được tập huấn điều hành các vườn ươm** này vào những vườn ươm rộng hơn nhưng phải thích hợp để họ có thể có được đầy đủ kỹ năng về tập hợp các loại cây nhất định. Kỹ năng của họ cũng như dây các loại cây mà họ có thể sản xuất được sẽ tăng dần sau mỗi năm nhờ vào sự lặp lại FFS-VLN, và sự luân phiên giữa các vườn ươm rộng hơn sản xuất ra các loại cây khác nhau.
10. Khi bắt đầu các vườn ươm của riêng mình, **Những người được tập huấn điều hành các vườn ươm** này sẽ nhận được đầy đủ cây giống đúng chủng loại (hoặc hom giống đối với cây keo lai) để hình thành nên một vườn nhỏ các cây mẹ cho mình. Họ sẽ được khuyến khích và được giúp đỡ để mở rộng vườn cây mẹ sau mỗi năm với các chủng loại và/hoặc hom giống khác.
11. Khi những người thực hiện vườn ươm phát triển được những kỹ năng căn bản, RUDEP sẽ sắp xếp tập huấn và nâng cao năng lực cho họ thường xuyên, bao gồm cả thí dụ kỹ thuật ghép các loại cây ăn quả trong vườn có giá trị và các loại cây cảnh.

Tạo nhu cầu hiệu quả tại địa phương

Nhu cầu về cây giống được tạo ra khi người dân muốn trồng cây. Nhu cầu *hiệu quả* là khi họ có đủ tiền để mua những cây giống mà họ muốn trồng, và nguồn cung cấp cây giống cho họ với giá cả phải chăng thì luôn có sẵn. Vì vậy, để tạo được nhu cầu hiệu quả tại địa phương cần có một số yêu cầu tiền đề, hoặc điều kiện tiền đề:

1. Người dân phải muốn trồng cây.
2. Người dân phải có đủ tiền để mua cây giống.
3. Các vườn ươm địa phương phải tạo ra được một nguồn cung cấp cây giống đúng chủng loại và chất lượng tốt, và đúng thời điểm trồng cây.
4. Bất kỳ nguồn cung cấp cây giống nào cũng không phải cạnh tranh trong các điều kiện không công bằng; đó là người dân không phải là có thể nhận cây giống miễn phí hoặc mua chúng với giá cả được các dự án hoặc chương trình khác bao cấp.

Chúng ta sẽ lần lượt xem xét từng điều kiện này:

1. Người dân phải muốn trồng cây.

Động cơ trồng cây của người dân bị ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố và chúng ta không nên đơn giản hoá quá mức về chúng. Nhưng chúng ta có thể chắc rằng một số hoặc tất cả các nhân tố sau là những điều kiện tiền đề:

- a. Có sự khan hiếm hoặc thiếu hụt các sản phẩm từ cây trồng mà người dân cần cho chính bản thân mình như gỗ, củi đốt, hoặc trái cây; VÀ họ không thể có chúng một cách dễ dàng từ rừng tự nhiên còn sót lại;
- b. HOẶC: có một thị trường hiệu quả và có thể tiêu thụ các sản phẩm từ cây trồng này VÀ người dân có thể nắm chắc được rằng họ có thể trồng, thu hoạch, vận chuyển và bán các sản phẩm này để kiếm lợi nhuận.
- c. HOẶC: một dự án hoặc một chương trình chi tiền cho họ để họ trồng cây.

2. Người dân có đủ tiền

Nhân tố này thường không định ra giới hạn. Hầu hết người dân có đủ tiền để làm những điều mà họ thực sự muốn làm. Về vấn đề trồng cây, một điều quan trọng là cây giống nên có sẵn tại địa phương và với giá cả phải chăng.

3. Các vườn ươm có đủ cây giống đúng chủng loại với chất lượng tốt

Đây chính là những gì mà chúng ta đang cố gắng phát triển. Trong vòng một năm, chúng ta sẽ có các vườn ươm dựa vào thôn sản xuất ra cây giống chất lượng tốt với những chủng loại chính hiện có sẵn từ các vườn ươm lớn hơn ở cấp xã hoặc huyện. Sẽ phải mất thời gian hai hoặc ba năm để các vườn ươm dựa vào thôn sản xuất ra nhiều loại cây giống hơn, bao gồm cả cây ăn quả và cây lấy gỗ bản xứ có giá trị cao.

4. Không có cạnh tranh không công bằng (không có cây giống phát không)

Nhiều chương trình cung cấp các khoản kinh phí hỗ trợ để khuyến khích người dân trồng cây. Hầu như các chương trình này cũng cung cấp cây giống miễn phí cho người dân. Khi cây giống được cấp phát không, người dân không cần phải mua chúng và như vậy sẽ không tạo ra được nhu cầu về cây giống tại địa phương. Thế nên, *tính sẵn có của các cây giống cấp phát không này sẽ ảnh hưởng đến các vườn ươm cấp thôn tại địa phương trong điều kiện cạnh tranh không công bằng như thế này.* Vì vậy, đối với các thôn và xã nơi mà chúng ta muốn phát triển các vườn ươm cấp thôn tự quản, chúng ta phải loại trừ sự cạnh tranh không công bằng. **Không có việc cấp phát cây giống miễn phí nào nữa!**

Điều đó có nghĩa là chúng ta phải tìm cách khác để đảm bảo rằng các loại cây luôn có sẵn cho nông dân với giá thành thấp, dành cho những chương trình công ích như: phòng hộ đầu nguồn và bảo vệ đất.

Sự chuyển tiếp từ cấp phát cây giống miễn phí đến cây giống giá thành thấp

Hiện tại, nhiều nông dân quen với việc nhận cây giống miễn phí hoặc với giá thành rất thấp. Nếu chúng ta đột ngột dừng lại và buộc họ phải trả tiền mua cây giống, chắc chắn là họ sẽ từ chối và như vậy các hoạt động trồng cây này sẽ bị gián đoạn. Vì thế, chúng ta phải lên kế hoạch cho một sự chuyển tiếp thuận lợi từ cấp cây giống miễn phí đến cây giống giá thành thấp. Chúng tôi xin giới thiệu một số các phương thức sau:

1. Sẽ có giai đoạn chuyển tiếp là một năm. Trong suốt giai đoạn chuyển tiếp này, người dân vẫn sẽ có cây giống nhưng không phải trả tiền trực tiếp, mà chúng ta sẽ giới thiệu cách giao dịch trực tiếp giữa người dân và những người vận hành các vườn ươm cấp thôn bằng cách sử dụng một hệ thống *phiếu*.
2. Việc lập kế hoạch cho tất cả các hoạt động trồng cây sẽ được thực hiện trước tiên. Người dân (với sự hỗ trợ từ nhân viên khuyến nông) sẽ dự toán cần phải có bao nhiêu cây giống và với chủng loại nào (ăn quả, rừng, lấy củi, bột gỗ). Các xã và các dự án sẽ tổng hợp lại các dự toán này để biết được nhu cầu tổng quan về các chủng loại cây.
3. Với tổng số cây giống theo nhu cầu này thì 50% sẽ được hợp đồng với mạng lưới các vườn ươm cỡ lớn cấp xã và cấp huyện hiện có. 50% còn lại sẽ dành cho người dân tự mua từ các vườn ươm cấp thôn.

4. Trong khi đó, các vườn ươm cấp thôn sẽ lập kế hoạch sản xuất đáp ứng cho 100% nhu cầu của địa phương tại thôn của mình; với dự tính là trong năm đầu tiên các vườn ươm này sẽ thành công trong việc sản xuất 50% cây giống đúng kích cỡ và chất lượng cao.
5. Vào thời điểm trồng cây trong năm chuyển tiếp, người dân sẽ nhận được 50% cây giống theo nhu cầu và vẫn miễn phí như trước thông qua các sắp xếp như thường lệ là từ việc sản xuất hợp đồng với các vườn ươm cỡ lớn cấp xã hoặc cấp huyện.
6. Người dân cũng sẽ nhận các **phiếu** đối với 50% cây giống còn lại theo nhu cầu đã lên kế hoạch. Mỗi phiếu sẽ nêu rõ số lượng cây giống (chẳng hạn như là mười) cho chủng loại cây đã được nêu tên (chẳng hạn như cây thông). Người dân sẽ nhận đủ các phiếu để đáp ứng 50% nhu cầu còn lại.
7. Người dân có thể mang những phiếu này đến vườn ươm dựa vào thôn tại địa phương và đổi lấy các cây giống mà họ chọn. Họ có thể lựa các cây giống tốt nhất sẵn có. Việc làm này sẽ giúp khuyến khích người dân thu mua cây giống sớm và đúng lúc. Những người đến trước sẽ nhận được những cây giống tốt nhất. Và việc làm này sẽ tạo ra được một hệ thống quản lý chất lượng để thúc đẩy chủ các vườn ươm sản xuất các cây giống với chất lượng cao. Nếu chất lượng kém, họ sẽ không có khách hàng và sẽ không có phiếu.
8. Nếu vườn ươm địa phương không có đủ cây giống đúng chủng loại hoặc đúng chất lượng, người dân có thể tự do mang phiếu đến vườn ươm khác tại thôn khác hoặc thậm chí là đến xã khác để nhận cây.
9. Các chủ vườn ươm thu các phiếu này và mang chúng đến văn phòng xã hoặc văn phòng của Dự án để đổi lấy tiền mặt. Giá trị của mỗi phiếu tùy thuộc vào giá thành cũng như chất lượng cây giống. Giá trị này sẽ được Dự án đưa ra vào đầu mỗi năm và sẽ được phổ biến cho tất cả mọi người để họ biết được giá thành thực sự của các loại cây giống.
10. Đối với năm sau năm chuyển tiếp, người dân sẽ nhận phiếu cho 100% nhu cầu cây giống nhưng họ sẽ không được miễn phí. Họ sẽ phải trả tiền cho các phiếu này. Giá của các phiếu này sẽ bắt đầu với một mức giá, chẳng hạn là 50% trị giá thực của cây giống và có thể được gia tăng dần sau giai đoạn chuyển tiếp, chẳng hạn như hai năm sau sẽ là 75% và 100%. Kết thúc sau khoảng thời gian 3 năm, các phiếu này sẽ không tồn tại nữa và người dân sẽ phải trả tiền cho vườn ươm địa phương theo mức giá thực của cây giống.
11. Đến lúc này, chủ các vườn ươm địa phương sẽ đã phát triển được đến cấp độ cao của các kỹ năng đối với một dãy rộng lớn các chủng loại cây, bao gồm cả kỹ năng ghép các giống cây ăn quả bản địa được lựa chọn.

Các vấn đề còn tồn tại

Ở giai đoạn này, tất cả các các giới thiệu được đưa ra là để bàn bạc. Và cũng còn có một số các vấn đề đặc biệt chưa đưa ra được giải pháp.

1. Giá hành các cây giống sẽ được đưa ra như thế nào khi hoạt động sản xuất cây giống được hoàn toàn phân quyền về cho địa phương?
2. Liệu chúng ta nên có một chế độ chia sẻ lợi nhuận với các Ban quản lý dự án cấp xã đối với giai đoạn chuyển tiếp?
3. Liệu có chương trình nào sẽ bị ảnh hưởng nếu chúng ta ngừng cấp cây giống miễn phí hoặc bán chúng với giá rẻ cho người dân?
4. Phạm vi “ảnh hưởng” đối với từng vườn ươm cấp thôn sẽ lớn như thế nào? “Không còn cấp phát cây giống miễn phí nữa” là một sự thay đổi quan trọng trong chính sách. Chắc chắn là chúng ta nên thử nghiệm thí điểm trong thời gian ít nhất

là 3 năm tại các xã và các thôn thuộc Dự án. Nhưng liệu có nên mở rộng trên toàn bộ và trên tất cả các huyện hay không?

Phụ lục 6: Tóm lược các hoạt động của các Dự án khác có cấu phần FLA và các ảnh hưởng có thể tại các xã thuộc RUDEP.

1. JBIC-- Japanese

(không có sẵn thông tin chi tiết trong khoản thời gian công tác của Đoàn)

2. Dự án Đa dạng hoá Nông nghiệp (ADP)

(không có sẵn thông tin chi tiết trong khoản thời gian công tác của Đoàn)

3. Dự án tái trồng rừng KfW

KfW. (Ngân hàng Đức, Kreditanstalt fuer Wiederaufbau) tài trợ.

Dự án này sẽ hoạt động tại các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định và Quảng Nam. Dự án sẽ hỗ trợ việc trồng và bảo vệ rừng trên đất đã được cấp cho các nông hộ (điều kiện tiên quyết là đất phải có Sổ đỏ) thông qua các thanh toán thực hiện dựa trên các định mức của 5MHRP, được quản lý thông qua VBARD và được giám sát bởi cơ quan kỹ thuật chuyên ngành nông nghiệp. Ở một số tỉnh, cơ quan này là FDS-D, còn ở các tỉnh khác có thể là FPD.

(Trong khoản thời gian công tác lần này thì Đoàn không thể thu thập thông tin một cách chi tiết hơn)

4. WB-SFDP. Dự án phát triển lâm nghiệp do Ngân hàng thế giới tài trợ (\$58.5, trong đó 97% cho vay).

Đã lập kế hoạch cho ngày bắt đầu trong năm 2005 (chưa biết cụ thể là tháng nào) nhưng đoàn không thể xác nhận được. Dự án này hướng đến chủ yếu là các Vùng kết quả 6, 7, và 9 của FSSP.

Các mục tiêu bao gồm hỗ trợ Nhà nước và các vườn ươm tư nhân thông qua FLUPLA nhanh hơn, kỹ thuật về rừng và mở rộng tiến bộ, tín dụng đầu tư thông qua VBARD cho các nông hộ (85%) và lâm nghiệp thương mại (15%) và chứng nhận rừng để tiếp cận thị trường được cải thiện trong tương lai.

Các khái niệm có tính chất đổi mới bao gồm Hội các lâm trường, các sắp xếp theo nhu cầu và linh hoạt, các thử nghiệm về nông nghiệp, bảo hiểm cây trồng.

Dự án tuyệt đối loại trừ:

- quản lý rừng tự nhiên
- các vùng lưu vực sông quan trọng (chẳng hạn như rừng phòng hộ)
- hỗ trợ cơ sở hạ tầng và công nghiệp
- các vấn đề chính của FLUPLA (chẳng hạn như chính sách, hướng dẫn...)

Dự án sẽ hoạt động tại các tỉnh Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam và Bình Định.

Phụ lục 7: Bảng tóm tắt tình hình Sử dụng đất tại các xã thuộc RUDEP

Huyện	Xã	Năm	Tổng	Hộ	%	Diện tích đất (ha) sử dụng					LN+chưa SD	NNghiệp	DT đất * % Nghèo		
		Entry	Dân số			Nghèo	Tổng	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Chưa sử dụng			Khác	/ HH	/ HH
Bình Sơn	Bình Minh	2004	9,475	2,222	12	3,768	1,547	309	1,706	207	0.91	0.70	37	205	242
Đức Phổ	Phổ Châu	2003	5,015	1070	16	1,985	368	1,305	1,053	-741	2.20	0.34	202	163	366
Mộ Đức	Đức Phong	2002	19,075	4,078	16	1,940	851	396	577	116	0.24	0.21	64	93	157
Nghĩa Hành	Hành Phước	2003	13,196	2,281	5	1,326	881	342	32	72	0.16	0.39	17	2	19
Tư Nghĩa	Nghĩa Thọ	2003	1,016	237	76	1,780	128	363	0	1,289	1.53	0.54	276	0	276
Sơn Hà	Sơn Giang	2004	4,138	965	43	2,315	174	1,131	0	1,010	1.17	0.18	486	0	486
	Sơn Hải	2002	2,500	578	40	2,466	658	561	1,080	?	2.84	1.14	224	432	656
	Sơn Trung	2004	2,821	643	43	2,394	369	1,944	58	23	3.11	0.57	836	25	861
Sơn Tịnh	Tịnh Thọ	2002	12,525	3,171	10	3,558	2,220	856	410	72	0.40	0.70	86	41	127
Cộng	Các xã "cũ"					21,532	7,194	7,207	4,915				2229	960	3189
Minh Long	Long Sơn	2005	826		35								0	0	0
Ba Tơ	Ba Nam	2005	126		46								0	0	0
	Ba Lê	2005	274		42								0	0	0
Trà Bồng	Trà Hiệp	2005	316		57								0	0	0
	Trà Lam	2005	281		64								0	0	0
Sơn Tây	Sơn Mua	2005	703		66								0	0	0
	Sơn Bua	2005	262		66								0	0	0
Tây Trà	Trà Tung	2005	234		64								0	0	0
	Trà Lanh	2005	317		75								0	0	0
Cộng	2005 Coms					0	0	0	0				0	0	0

(Xem bảng chi tiết ở trang kế tiếp)

Bảng 3: Công cụ phân tích để ước tính kinh phí cho FLUPLA và trồng rừng

Note: Đây chỉ là một minh họa. Để sử dụng có ích, xem phần trình bày trên bảng tính Excel.

			Kinh phí trực tiếp có thể, các giả định đa dạng			
Các giả định tương lai			Kinh phí cho FLUPLA		Kinh phí cho trồng rừng	
Đất	Kinh phí /ha cho	% đất	"cũ"	2005	"cũ"	2005
Đã phân bổ	FLUPLA	Đã trồng	Các xã	Các xã	Các xã	Các xã
Rừng	\$13.00	100	28,971		512,571	
"Chưa sử dụng"	130.00	100	12,486		220,908	
Rừng+chưa sử dụng	130.00	100	41,458		733,479	
Rừng	60.50	50	14,486		256,286	
Rừng+chưa sử dụng	60.50	50	6,243		110,454	
Rừng+chưa sử dụng	60.50	50	20,729		366,740	

Ghi chú: Kinh phí trồng rừng (các đầu vào+công lao động) được ước tính là US\$230/ha theo các định mức của 5MHRP, trải dài trên 4 năm.

Phụ lục 8: Bảng chú giải các thuật ngữ liên quan đến lâm nghiệp và các từ viết tắt

Nông lâm kết hợp	Là đất sử dụng kỹ thuật kết hợp trồng các loại cây với các cây hằng năm, cỏ và thức ăn xanh, và/hoặc chăn nuôi trên cùng một mảnh đất, gói đầu về thời gian hoặc không gian.
CBFM	Quản lý rừng dựa vào cộng đồng. Khái niệm này có nghĩa là các hoạt động lâm nghiệp ALL thực hiện trên đất của cộng đồng và xung quanh cộng đồng nằm dưới hệ thống quản lý hợp nhất với cộng đồng và vì sự kiểm soát và lợi ích của cộng đồng.
Lâm nghiệp cộng đồng	Là lâm nghiệp thực hiện bởi cộng đồng địa phương và vì cộng đồng địa phương, thường liên quan đến hành động tập thể nhằm bảo vệ hoặc thực hiện quản lý khác.
Các kiểu phân loại rừng	Rừng được phân loại chủ yếu theo mục đích sử dụng chính của chúng, như phòng hộ, sản xuất, hoặc đặc dụng (xem trong trang này).
Đất rừng	Đất có độ dốc hơn 10°.
Các loại rừng	Rừng có thành phần các chủng loại cây phù hợp với các mô tả cụ thể, như “rừng thay lá nhiệt đới ẩm”.
Rừng sản xuất	Rừng được bảo vệ khỏi nguy cơ xói mòn nghiêm trọng nhờ vào hoặc là tầng đệm của rừng phòng hộ, hoặc là do kết cấu của đất mà rừng không bị ảnh hưởng bởi nguy cơ xói mòn nghiêm trọng (chấn hạn như, do đất chỉ hơi dốc), và mục đích sử dụng chính của rừng là sản xuất gỗ và các sản phẩm gỗ khác.
Rừng phòng hộ	Là rừng mà chức năng cơ bản của nó là bảo vệ các lưu vực sông chính, lưu vực của các đập nước lớn, bờ hồ khỏi bị xói mòn, và bảo vệ các vùng duyên hải.
Lâm nghiệp xã hội	Là lâm nghiệp xem lợi ích cho xã hội, như giảm nghèo, là mục tiêu chính hoặc là mục tiêu quan trọng.
Rừng đặc dụng	Là rừng được chỉ định đặc biệt cho các công viên và khu bảo tồn quốc gia, các khu bảo tồn thuộc lý sinh, các địa điểm lịch sử, và/hoặc để thu hút du lịch.

**Phụ lục 9: Danh mục các Quyết định và Nghị định chính liên quan đến FLUPLA
Luật đất đai và Luật bảo vệ và Phát triển lâm nghiệp**

1. Nghị định 163/1999/ND-CP ban hành ngày 16/11/1999.
2. Quyết định 178/2001/QĐ-TTg ban hành ngày 12/11/2000.
3. Quyết định 661 - QĐ/TTg ban hành ngày 29/6/1998
4. Chỉ thị 364/CT ngày 6/11/1991
5. Chỉ thị 245 / TTg ngày 22/4/1996

Muốn biết thêm chi tiết, liên hệ Hiệp hội Các chương trình Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp (FSSPP). FSSPP có một tập hợp hoàn chỉnh các Luật, Quyết định và Nghị định dành cho tham khảo sẵn trong đĩa CD-ROM bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Địa chỉ liên hệ: Ông Vũ Văn Mễ, Phó giám đốc, Phòng 101, Khối A9, MARD, Hà Nội. ĐT: 733 7913; e-mail 5MHPart@hn.vnn.vn